Năm thứ hai — Số 58
Tuần-lễ từ thứ tư 5 Août
đến thứ ba 11 Août 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Xét tư-tưởng trọng nông của người Nam ta qua mấy câu ca dao và ít công-văn cũ — *Hoa-Bằng*
Bộ sách « Việt-Nam văn-học » — *Nguyễn văn-Tố*
Nghệ-sĩ và công-chúng — *Phạm chí-Lương*
Lai-láng tình thơ... (*Chuyện thơ*) — *Song-Cối*
Tra nghĩa chữ nho (XII) — *Ứng-Hòe*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXV) — *Ứng-Hòe Nguyễn văn-Tố*
Từ Hà-nội đến hồ Ba bể (*Du-ký, I*) — *Nhật-Nham*
Những ông nghè triều Lê (XXXI) — *Ứng-Hòe*
Trở lại vấn-đề liên Mỹ — *Nhật-Nham*
Nam đàn bát châu, thi tục thảo (I) — *Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Hậu quân Lê-Chất (III) — *Nguyễn Triện*
Dịch thơ tây — *Cách-Chi, Minh-Tuyền*
Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện » (II) — *Thọ-nhân Lê văn-Phúc*
Trúc mai sum-họp (VII) — *Chu-Thiên*

0$20

Xét tư - tưởng trọng TA QUA MẤY CÂU CA-

MỚI đây, nhân đi thăm trại Thanh-niên Tương-mai, thấy một nhóm thanh-niên tri-thức đã để ý đến nông-dân, đã thử sống chung với họ trong cuộc sinh - hoạt cần - lao, chúng tôi có viết bài nghị-luận và kỹ-thuật ở Tri-Tân số 57 trước. Đọc những bài ấy, nhiều bạn cho rằng một số thanh-niên ta nay, vì chiều thời-thế kích-thích, đã có những khuynh - hướng mới lạ.

Không, thực ra đó là các bạn thanh-niên ấy chỉ thực tiễn và phát-huy cái tinh-thần cố hữu của dân-tộc Đại Nam đấy thôi.

Nước ta lập quốc trên nền-tảng nông-nghiệp Những cuộc Bắc cự, Nam tiến của tiền-nhân ta viết bằng những nét oanh - liệt phi thường trên trang lịch-sử chính cũng là nhờ sức ủng-hộ của nông-dân đó.

Vì vậy, đối với nghề nông, xưa nay từ phong-nhân đến vua quan, ai cũng phải kính-trọng nó, khuyến khích nó, mà trong ca dao cũng như trong thi-phẩm, ta thấy nó vẫn là một đối-tượng để cho người ta ca-tụng, biểu-dương.

Về mùa rầy, các bạn thử ra chơi ngoài đồng, lần bước trên những bờ ruộng nhỏ hẹp có cỏ gà viền xanh hai mép lối đi, sẽ được nghe mấy cô thôn nữ hát lên những câu mộc-mạc ngây - thơ bằng giọng du-dương khả ái :

Chẳng ai sướng bằng bà đi cấy,
Cơm ăn, tiền lấy,

. . . . . .

Ngồi đình, ngồi chùa,
Quạt mo phe-phẩy...

Và :

Anh thì quần áo dong chơi,
Để em đi cấy, bồ hôi ướt đầm !
Anh đi tán tía, tàn vàng,
Để em cắt cỏ bên đàng cái đi !

Dưới vòm trời xanh nhạt, trước làn gió hiền-từ hiu-hiu mát, một chàng nông-phu, ngực nở, bắp thịt nổi đều, đang ngâm chân trong làn nước đục, bừa đi bừa lại đám ruộng dưới ánh bình-minh. Chàng cất giọng dịp-dàng họa theo tiếng ca-hát của chim sơn-ca dường đang hoán khởi cái tinh-thần hăng hái làm việc :

Xin ai đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất là vàng bấy nhiêu.

Trong ca - dao ta thật không thiếu gì những câu đại loại như vậy nói về canh-nông có tính-cách hoặc tự hào về nghề cao quí ấy, hoặc mỉa - mai hạng người chỉ ngồi mát ăn bát vàng, không biết đến nông - nỗi nhọc - nhằn của những người phải đổi bát bồ hôi lấy bát cơm, hoặc khuyên giục người đời phải nên cần-lao, chăm việc phá cỏ, khai hoang, làm cho ruộng đất trở nên màu mỡ.

∴

Mà những chứng-cớ tỏ ra người minh xưa nay coi trọng nghề nông như thế, tôi còn nhặt được ít nhiều tài-liệu ở trong đống công-văn cũ hoặc sử sách xưa.

Một vua triều Nguyễn, làm bài dụ về việc chính nhà vua đi cày ruộng tịch-điền, có những câu (1) như :

« ... Năm nay đến kỳ làm lễ cày tịch-điền. Đình-thần lấy cớ rằng trẫm luôn mấy năm vất-vả, chưa sáng đã phải thay áo, chiều tối mới được ăn cơm, mà hiện nay khí trời lại viêm-nhiệt, nên khẩn-thiết nài xin trẫm sai quan cung-kính làm thay. Đó tuy là lòng thành trung-ái của kẻ thần tử, nhưng chưa lượng đến cái ý sở-dĩ phải tự cố-gắng của trẫm.

« Nay, đối với việc cày tịch-điền, đẩy đi đẩy lại ba lượt (2), đấng thiên-tử không cho là khó-nhọc ; cái gốc cơm ăn áo mặc của muôn dân là do sự xướng-suất ấy của nhà vua mà ra đó.

« Trẫm há vui sự an-dật trong một lúc mà không nghĩ đến sự vì bách tính các ngươi lo chước làm sao cho năm này qua năm khác được no đủ hay sao ?

« Vậy đã thân đem các quan cất gót ra ruộng để tịch : một ngày làm lễ, gió động bốn phương Trẫm mừng rằng cùng sinh-dân các ngươi ngày bước lên cõi giàu-có phong-hậu. Vậy há có thể coi việc làm này là hư văn được ?

« Việc cần kíp bây giờ chỉ cốt dạy dỗ nghề nông, làm cho dân được no đủ.

« Các quan địa-phương sớm hôm ở với dân ta, nếu không siêng - năng để vùa-giúp trẫm, chịu khó để làm gương cho dân, thì lấy gì làm ơn cho trăm họ mà gọi là trọn chức-trách mình được ?... »

Ý để-vương xưa cho rằng nghề nông là nguồn sinh-sống của nhân dân, vua quan là những người đứng vào giai-cấp thống-trị, cần phải chăm lo đến việc nông, vua

nông của người Nam DAO VÀ ÍT CÔNG-VĂN CŨ

HOA-BẰNG

thì cày tịch-điền, quan thì săn-sóc mùa-màng đồng áng, tỏ cho nông-dân biết rằng lúc nào các nhà cầm quyền cũng ân-cần đứng bên họ mà khuyến-khích họ, giúp đỡ họ.

Tư-tưởng trọng nông ấy, chính vua Minh-mạng (1820-1840) đã biểu-diễn trong một bài thơ dưới cái đầu đề là « Vị nông ngâm », làm năm nhâm-dần (1832), đã được bày ra trước những cặp mắt du-quan hay khảo-cứu trong dịp trưng bày lịch-sử do Chính-phủ Đông-dương tổ-chức hồi novembre-décembre 1941 Đây, hai câu kết bài thơ ấy :

«Giá sắc gian-nan tòng cổ trọng !
Vô thì bất dĩ cử vi ngâm. »

Nghĩa :

Đối với những nỗi cấy gặt nhọc nhằn, từ xưa đến giờ vẫn lấy làm trọng ;

Không bao giờ là không lấy việc nông làm đầu để để ngâm vịnh.

∴

Những nhà chân-nho ngày xưa ôm chí kinh bang tế thế, một khi cầm quyền trị dân, thực hành chủ nghĩa « tri-trạch », cũng không đi ngoài cái đích coi trọng việc nông ấy. Tư-tưởng đó tôi thấy có trong cụ Lương-Khê Phan Thanh-Giản (1796 1867), người đã hi-sinh tính-mệnh vì quốc-gia (3) :

Năm Minh-mạng thứ mười bảy (1836), nhà vua thấy trong nước thái-bình, muốn nhân dịp nhan-rảnh, đi chơi Quảng-nam. Nhưng bấy giờ đương là tháng năm, cụ Lương-Khê cho rằng tháng ấy là mùa nông dân đang cày cấy, rất trở-ngại đến công-việc đồng - ảng của họ, nếu một khi họ phải sửa-soạn đón rước ngự-giá tuần - du. Vì vậy, cụ Phan dâng lên vua Minh-mạng những lời ra từ máu nóng thương dân và trọng nông này :

« Đại-giá tuần hạnh, hạt-dân vân giả mạc bất hân nhiên.

« Đãn kim, hạ hòa cáo khiêm ; tứ ngũ nguyệt gian hựu đương canh-thực thì-hậu, nhất phiên cung-ứng : cố thử, thất bỉ !

«Thỉnh thả tạm đình, tỉ dân đắc chuyên lực điền-lý. »

DỊCH :

Nghe tin Ngự-giá tuần du, nhân dân vùng ấy ai chẳng hớn hở vui mừng.

Nhưng nay lúa chiêm mất mùa ; mà khoảng tháng tư, tháng năm lại là đương vụ trồng cấy, nếu một phen phải cung - ứng về sự đón-rước thì được đằng nọ tất hỏng đằng kia !

Vậy xin nhà vua hãy tạm đình việc tuần-du này để cho dân được chuyên sức vào việc đồng-ảng.

Chỉ vì cương trực trong việc can-ngăn vua đi chơi Quảng-nam này, cụ Phan sau bị giáng chức. Thế mới biết nhà danh - nhân ở tỉnh Vĩnh - long ta xưa đã đặt quyền-lợi của nông-dân lên trên hết mọi vấn-đề, mặc dầu hành-vi ấy có thiệt-hại hay nguy-hiểm đến cá-thể mình đi nữa.

Vẫn tư-tưởng ấy, vẫn chính-kiến ấy, vẫn ở khuyến nông cư được chú trọng mãi-mãi, dầu từ năm 1889 trở đi là lúc nền kinh-tế nông-nghiệp trong xứ bị lung-lay bởi kỹ-nghệ ngoại-quốc tràn vào, và công thương chiếm được địa-vị cao qui hơn trước.

Tháng ba, năm Thành-thái thứ nhất (1889) có tờ lục sức rằng : «Các viên phủ huyện các địa-phương cần phải coi việc nông là trọng. Trong khi ngóng trông, nghe mưa, nếu thấy là thuận mùa hay trái tiết, thì ai nấy phải theo lệ mà tâu bày để bề trên được rõ hết tình-trạng ». (Dịch)

∴

Cuốn phim thời-cục đã chớp bao cảnh hoán-cải. Bức phông mới lạ từng giây, từng phút thay đổi bày trước mắt ta.

Nước Pháp, từ sau khi đình chiến, Thống-chế Pétain hết sức khuyên nhân-dân quay về ruộng vườn. Đó chẳng những giống với ý tưởng của người La-mã xưa dù những tay danh tướng đã từng lập bao chiến-công oanh-liệt ở nơi sa trường, hễ khi cất tiếng hát bài «Quy lai», thì quay ngay về quê-thôn, làm việc cày sâu, quốc bẩm mà chính lại ám-hợp với những tư - tưởng trọng nông của tiền-nhân chúng ta đã bày tỏ trong thơ văn hoặc đã phát - biểu trên mặt giấy tờ công-văn hay sử, sách.

Phải chăng Đông Tây đã gặp nhau ở chỗ ấy ?

Phải chăng việc làm của trai Thanh-niên là chịu ảnh-hưởng của chính-phủ Pétain và muốn tuyên dương cái côn-tinh cần-lao của dân Đại-Việt ?

xem tiếp trang 23

HOA-BẰNG

BỘ SÁCH «VIỆT-NAM VĂN-HỌC»

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

NHÀ Mai - lĩnh mới bắt đầu xuất - bản vài bộ tùng-thư. Một bộ đề là *Việt-nam văn-học*, của ông Ngô-tất-Tố làm ra, hiện đã in được hai tập : tập thứ nhất nói về *Văn-học đời Lý*, tập thứ hai nói về *Văn - học đời Trần*.

Tập thứ hai mới ra có một quyển. Quyển ấy chia làm chín bài : bài đầu chép tên các sách nho soạn về đời nhà Trần, còn những bài dưới thì chép sự-tích vua Trần Thái-Tôn, Trần Thánh-Tôn và Trần Nhân-Tôn cùng ông Trần - quang - Khải, Trần - quốc-Tuấn, Trần-ích-Tắc và Lê-Tắc. Liền với tiểu-sử mỗi nhà, ông Ngô-tất-Tố có trích dịch và chua nghĩa những đoạn văn hay ; ở cuối sách ông dịch bốn bài thơ *Bắc sứ đề Quế-lâm dịch* của một nhà vô - danh đời Trần.

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-kheo kinh	
Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Phap-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10% làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25%, và khỏi cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN - TRUNG - CÒN

143 - Rue de Louvain, Saigon

Như thế là một thứ « Việt-Hán văn-tuyển », chưa hẳn là « Việt-Nam văn - học sử » Nhưng soạn kỹ cũng bổ - ích lắm. Nay thử xem ông Ngô tất-Tố chép sử nhà Trần và dịch văn chữ Hán ra thế nào. Tập văn đời Lý sẽ nói sau.

I — Chép tên sách

Bộ *Khâm-định Việt- sử thông-giám cương - mục*, quyển 13, tờ 4a, chép rằng năm kỷ-hợi, Bình-định vương năm thứ hai, tức là năm 1419, « phàm những sự tích và thư-chí của nước ta từ đời Trần về trước, người nhà Minh thu hết cả, đưa về Kim - lăng » bên Tầu. Những thư - chí ấy không thấy còn lại, chỉ thấy chép tên trong bộ *Lịch-triều hiến-chương* của ông Phan-huy-Chú. Bộ *Khâm-định Việt - sử* sao lại những tên sách ấy trong quyển 13, tờ 4b-5b. Ông Ngô tất - Tố cũng sao lại ở trang 8 đến trang 13 trong tập *Văn - học đời Trần*, ông theo *Lịch - triều hiến chương* chia ra từng loại một : loại chính trị, loại lý-thuyết, loại thơ văn, loại võ bị, v. v. (*Lịch triều hiến chương* thì gọi là hiến-chương, kinh - sử, thi - văn, truyện - ký, v. v.) ; nhưng ông Ngô tất-Tố sao thiếu quyển *Hình - luật* đời Trần Thái-tôn (thấy chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 13, tờ 4b), ông sao thiếu cả quyển *Việt-Nam thế - chí* của ông Hồ - tôn - Thốc, quyển *Vạn-kiếp binh-thư* của đức Hưng-đạo Trần-quốc-Tuấn, v. v. Bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 13, tờ 5a, in là *Vạn-kiếp bí truyền*.

Những tên sách ông bỏ sót thì đại-khái như thế ; đến những tên mà ông sao lại, cũng không lấy gì làm đúng cho lắm : *Kiến-trung thường-lễ* ông cho in là Kiến-trung *thường-lệ*, sách *Di-hậu* ông cho in là Di-hận tập đến hai ba chỗ, v. v.

Ông nói *Thủy-vân tùy-bút* của Trần Anh-tôn « không biết mấy quyển ». Sao ông không dở bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 13, tờ 4b và bộ *Lịch-triều hiến-chương*, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 50 và A 2061, quyển 42 *Văn-tịch chí*, trang 43, ra mà xem ? Trong đó đều chép « hai quyển ».

II. — Chép tiểu-sử các nhà làm sách

Ông Ngô Tất-Tố chép sự-tích các nhà làm sách cũng sai lắm. Ở trang 19 ông nói vua Trần Thái-Tôn sinh năm 1198, mất năm 1258. Phải chữa là sinh năm 1218; mất năm 1277 : các quyển sử chữ nho, như quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 5, tờ 1 a, đều chép vua Trần Thái-Tôn sinh ngày 16 tháng sáu năm Mậu-dần là năm thứ tám hiệu Kiến-gia đời Lý Huệ-Tôn, tức là năm 1218 ; mất tháng tư năm Bảo-phù thứ năm đời Trần Thánh-Tôn, tức là năm 1277. Các quyển niên-biểu cũng chép như thế, như quyển *Tableau chronologique des dynasties annamites* của ông L Cadière, quyển *Hoàng - Việt giáp-tí niên-biểu* của ông Nguyễn bá-Trác, v. v.

Lại trang 72, ông Ngô Tất-Tố nói vua Trần Thánh-Tôn là « con thứ Thái - Tôn » : chính là con trưởng Thái-Tôn mà là con thứ Lý-thị. *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*,

quyền 5, tờ 25 a, chép « Thánh-Tôn hoàng-đế, húy Hoảng, Thái-Tôn thích trưởng-tử giả », nghĩa là « Thánh-Tôn hoàng-đế tên húy là Hoảng, chính là con trưởng Thái-Tôn ». *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 6, tờ 16b và tờ 20 a-b, chép « năm đinh-dậu hiệu Thiên-ứng chính-bình thứ sáu, tức là năm 1237, Chiêu-thánh hoàng-hậu không có con, mà Lý-thị có thai đã ba tháng : Thủ-Độ và Thiên-cực công-chúa mật mưu với vua Thái-Tôn, bảo nên mạo nhận lấy, để nhờ về sau, bèn cưới Lý-thị... Lý-thị sinh con là Quốc-Khang, vua Thái-Tôn phong cho tước vương. Đến tháng chín năm Thiên-ứng chính-bình thứ chín, tức là năm 1240, Lý- thị lại sinh Hoảng, vua Thái-Tôn bèn lập làm hoàng-thái-tử », tức là Trần Thánh-Tôn. — Vân vân...

III. — Dịch văn nho

Ông Ngô Tất-Tố chép sử thì nhầm như thế ; ông dịch văn nho có đúng hơn không ? Lấy bài hịch của đức Trần Hưng-Đạo, là bài mà ông Trần Trọng-Kim dịch ra quốc-văn đã ngoài hai mươi năm nay, xem ông Ngô Tất Tố dịch có hơn không.

Cuối bài hịch có câu : « Sử Bình-lỗ chi hậu, vạn thế di tu ». Ông Trần Trọng-Kim dịch là : « Khiến cho sau trận Bình-lỗ mà ta phải chịu tiếng xấu muôn đời». Ông Ngô Tất-Tố dịch là : « Rồi đây, sau khi dẹp yên quân giặc, các ngươi sẽ phải để thẹn muôn đời ». Ông dịch chữ « Bình-lỗ » là dẹp yên giặc, thì nhầm hẳn, vì bài hịch chữ nho chép trong sách *Trần đại-vương bình Nguyên thực-lục*, bản sao của Bác-cổ, số A 336, tờ 25 a, chua dưới câu « Sử Bình-lỗ chi hậu » bốn chữ : « Bình-lỗ thành danh », nghĩa là « Bình-lỗ là tên thành » : như thế thì lẫn sao được ?

Cứ đọc bài hịch ngược lên một ít thấy câu : Hoặc bạo khí thị thư, vi dư giao bối, thị túc thế chi cừu thù giả » : Ông Trần-trọng-Kim dịch là : « Nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ nghịch thù» : dịch như thế thì còn thiếu nghĩa Ông Ngô-tất-Tố dịch là : « Nếu mà bỏ bê sách ấy, trái lời dạy bảo của ta, ấy là mối cừu thù kiếp xưa » : chữ *túc* có nghĩa là xưa, nhưng tự-vị chữ Hán thường chua chữ *túc-thế oan gia* là người thù lâu đời ; vậy phải dịch câu chép trên là : « Hoặc bạo - ngược bỏ sách này, tức là sách *Binh-thư yếu-lược*, trái lời ta dạy bảo, ấy là cừu thù đời đời », chứ không phải « cừu-thù kiếp xưa ».

Đến cả nguyên-văn chữ Hán chép cũng sai, như câu « Công-Kiên chi - ư tỳ-tướng », nghĩa là « Công - Kiên đối với tỳ - tướng » chép trong *Trần-gia điển-tích thống biên*, sách viết của Bác-cổ, số A 324, tờ 72b, ông Ngô-tất-Tố cho in là «Công-Kiên chi-vi thiên-tỳ » rồi dịch là « Công-Kiên làm chức thiên-tỳ», thành ra trái hẳn nghĩa !

Nếu dụng công tra xét tìm-tòi, thì bộ *Việt-Nam văn - học* là một bộ sách có giá-trị lắm, vì ông Ngô-tất-Tố đã sưu - tầm được nhiều tài-liệu ; nhưng ông không chịu kê-cứu, cho nên còn nhiều khuyết điểm.

Về việc dịch văn nho, chưa dám mong dịch cho thật hay, thật xuôi vì tiếng nước nào đã có cái đặc-tính của tiếng nước ấy ; chỉ mong dịch sao cho rõ - ràng, cho đúng nghĩa, hết nghĩa và sát nghĩa. Muốn dịch được như thế, trước hết phải tìm các bản nguyên-văn còn truyền lại, đem ra so sánh với nhau, rồi bằng bắt tay vào dịch. Bài nào đã có người dịch rồi, nếu không phải bổ chính điều gì, nếu không dịch được lưu - loát hơn, thì chọn bài khác còn hơn. Vẫn biết rằng không tài nào dịch cho hoàn toàn được ; nhưng phàm việc gì cũng vậy, nếu làm không cẩn - thận, không đến nơi đến chốn, thì không những là uổng-phí mà thôi, lại còn có khi hại cho người khác, vì người ta theo cái nhầm của mình, thì sự khảo-cứu, việc học hành khó lòng mà tiến - bộ lên được.

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Một kỳ sau :

Phê-bình quyển « Văn học đời Lý »

ĐÃ IN XONG

CHỬ NHO HỌC LÂY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước thường 0p12

Các hiệu sách mua buôn có trừ hoa hồng hậu.

Nghệ-sĩ và công-chúng

PHẠM CHÍ-LƯƠNG

CUỘC triển-lãm báo sách do một hiệu trong Nam (1) cổ-động đã lâu, theo tin báo hàng ngày, đã mở cửa đón công-chúng. Các tạp-chí xưa và nay cùng tranh-ảnh thi-nhân văn-nhân Việt-Nam là những tài-liệu gom góp để biểu-diễn trình-độ văn-chương xứ ta. Thực là một dịp mang đến cho chúng ta nhiều xuy nghĩ. So với những người lớp xưa, người ta nhận ra trong đám thanh-niên hiện đại, một số đông biết yêu chuộng nghề văn. Đó là một triệu-chứng đáng mừng cho mai sau, đám người ưa thú cao quý đọc sách hẳn rồi tăng cùng một dịp với số người viết.

Sự thực, nói các bạn trẻ mến nghệ-thuật thôi, có nhẽ đúng hơn chính họ tưởng mình đã trở nên nghệ-sĩ với vài cuốn sách nhỏ. Dăm ba tập mỏng-manh (tiểu-thuyết, thơ, kịch hoặc cảo-luận, phê-bình v. v.) có đủ đảm-bảo những tài năng khi nhà tổ-chức xếp họ bên những danh-nhân của lịch-sử văn-học. Hay chỉ vì muốn theo những cần-thiết nhất thời của tâm-tư, muốn ghi-chép ít nhiều kinh-nghiệm tình-cảm, nên bạn trẻ chiếm đa số. Có phải họ viết để họa theo phong-trào phục-hưng quốc-ngữ, cách vài chục năm về đây, bay giậy trong khắp dân-gian, và họ nuôi hy-vọng xây nền móng cho tiếng mẹ đẻ, xưa kia nghèo-nàn yếu-ớt. Đứng về phương-diện chủ hay khách-quan, những mục-đích rất nhiều rất phức tạp, không khỏi ngoài điều cần thiết làm nảy nở cuộc sống bên trong cho công-chúng. Tìm được những liên-lạc giữa công-chúng và nhà văn là một vấn-đề đáng chú ý, không riêng về phương-diện văn-chương. Về phương-diện xã-hội-học, nó còn soi sáng cuộc sinh-hoạt tư-tưởng và tính-tình của cả một lớp người, trong một khoảng thời-gian.

Khoa tâm-lý cho rằng những sáng-tác ra đời do nhiều điều-kiện xã-hội. Trước hết hoàn cảnh, người và việc, giúp nhà nghệ-sĩ rất nhiều Công-chúng nữa, có một lương-tri chung (conscience collective) gồm bao nhiêu năng-lực tiềm-tàng, mà tất cả những gì là sâu-sắc, tế-nhị đều chung đúc trong lòng nghệ-sĩ. Bởi thế sinh ra những cần-thiết tinh thần của một đoàn thể : chiều được là một vinh-hạnh, một thành-công ít có, nhắc tôi liên tưởng đến Werther, một tiểu-thuyết bất hủ của Goethe, một vài bản đàn tuyệt điệu của Schubert, được hầu hết dân thành Vienne ca ngợi ; ai quên được những tán thưởng bồng-bột của bạn trẻ hồi thơ mới vang lên những âm-điệu đầu-tiên.

Chúng ta đồng ý với nhà xã-hội tâm-lý học Lacombe viết trong tạp-chí *Siêu-hình-học* : « Thi sĩ muốn gì, phải chăng tìm thấy những hòa-hợp âm-thanh chiều được ước-mong thầm mỹ của người đồng-thời. Sáng tác (nói chung cho cả các kỹ-thuật) là một quy luật xã-hội cho sự tưởng-tượng đột nhiên. Một quy luật có hai đối-tượng : một là hướng dẫn sự suy nghĩ về một đích xã-hội..., là dung cảm toàn thể công-chúng... ; hai là phê-bình những hòa-hợp tân kỳ, nó phát-huy sự phong-phú tự-nhiên của tâm-tư, gạt bỏ những cái không thích hợp với nhu-cầu của mọi người » (Revue de Métaphysique, năm 1926, trang 359). Vậy nên những trường-hợp có ích cho nhà văn là những hồi nhân tâm trải qua nhiều biến-đổi mang theo sau hoài-vọng mới.

Hồi nho học lùi bước, nhà thơ ta ca tụng những gì? Hãy mở *Khối tình con* của Tản-Đà hay ngâm lại *Bút quan hoài* của Trần Tuấn-Khải. Chúng ta sẽ biết những giá-trị tinh-thần của một nền học-vấn héo tàn đã làm nguồn cảm hứng trong buổi giao thời Sự khủng khoảng về sau — bấy giờ vào khoảng 1920-1930 — thấy nhiều phản ảnh : người ta thi nhau than tiếc, tìm an-ủy với những vần đau thương trong *Duyên nợ phù sinh*, đắm đuối *trong những truyện dịch của Từ* Trầm Á ầm-ướt bao nhiêu nước mắt của Lê Ảnh. Một đạo, truyện

Đã có bán

ĐỜI VĂN

Quyển II

của Trần thanh-Mại

trong « *Tả sách phê bình* ».

Giá 0 p. 95

Sắp có bán

Nghệ thuật làm việc

Nguyên tác của André Maurois. *Nguyễn xuân-Huy thuật.*

Nhà xuất-bản

TÂN VIỆT — 49 Takou — Hanoi

Tố Tâm của Hoàng Ngọc-Phách chẳng là sách gối đầu giường cho bao nhiêu thanh niên xanh-xao, ưa sầu, quên mình giữa những tình-trạng ủy-mị, thê-thiết không căn-cớ.

Hồi 1925 cất lên một luồng gió lãng mạng, từ văn thơ đến âm-nhạc, một thứ âm-nhạc hạ cấp rất thịnh, gồm những điệu đàn ẻo-lả để du một thế-hệ chán nản. Giở trồng báo sách cũ, không một công trình nào dùng làm thức ăn cho một tinh-thần bạc-nhược, còn được ghi nhớ. Tiếc rằng phong trào còn rơi rớt đến ngày nay và hiện hình bằng thứ tiểu-thuyết ngôn tình do vài nhà xuất-bản vụ lợi theo đuổi việc buôn bán. Những hoa dại cuối mùa.

Đến bây giờ cuộc thải bỏ ngay thẳng, theo liền sự xét-đoán nghiêm khắc của công-chúng, đã định đoạt số-phận các thứ sách trên. Qui luật chặt-chẽ trong việc sáng-tác như đưa nhiều nhà văn về quá khứ. Đôi khi có người nói tới chỉ là để đả-động thứ sản-phẩm nhất thời, không mang dấu-vết lâu bền của một nghệ-thuật chắc tay, hợp với nhân đạo Độc-giả nhằm luôn luôn thứ sách hướng đạo được tư tưởng của mình. Ai cũng đặt cho nghệ-sĩ thiên-chức soi xét thâm tâm « người của muôn thủa », xây đắp những con đường sáng, tìm-tòi phương hướng mới lạ. Người ta không lấy làm lạ rằng phải lãng-mạng, Pháp, Đức hoặc Việt-nam, đều tự dẫn vào những đường lối hẹp-hòi, không khoáng đãng, chỉ vì say đắm trong vòng bản-ngã, không tìm những tâm trạng bất diệt, có thể đưa-đẩy lòng người mãi mãi.

Vậy không phải theo sau những nhược-điểm của công-chúng mà nhà văn nên hoạt-động. Không có gì khốc hại bằng xu-nịnh những ươn-hèn của một thời. Người thức-giả chỉ là bạn thân yêu những ngọn bút ngay thẳng, biết trọng tính tự lập. Họ rất vừa lòng khi lượm được trong trăm nghìn cuốn sách vô giá-trị, quyển tiểu-thuyết đi ngược lại giòng xấu-xa của một hạng người bất công. Họ vui mừng, cảm thấy nhà cầm bút tìm cách giải bầy để nâng đỡ nỗi đau khổ, khơi dậy lòng yêu-thương để giảm bớt trong đời bao nhiêu oan-trái và chênh-lệch Tìm đến con đường thiện để bước vào là chủ-ý của họ. Văn-chương đối với họ cần là một lợi-khí bền chắc để chống đỡ, lập giữa nhân-loại một đoàn-thể có trật-tự cùng bác ái. Hạng độc-giả này là bạn sáng-suốt biết thưởng-thức những điều sâu-sắc, kín-đáo ở một công trình mới lạ. Lời phê-bình của họ khiến được những nghệ-phẩm giá-trị, mai-mốt một thời trong quên-lãng, có thể trở nên danh tiếng Tiếc rằng những tên-tuổi chìm trong đêm tối, rồi sau rạng-rỡ như buổi sớm, như Stendhal, Nietzche, John Keats, chưa hiện ra trong văn-chương Việt-Nam

Trong bài diễn văn đọc ở Weimar ngày 5 Août 1903, André Gide đã giải rõ những điều đáng tiếc khi một nghệ-sĩ không tìm liên-lạc với công-chúng : « Ấy là một điều nguy-hiểm cho nghệ-thuật xa cuộc đời ; nguy cả cho nghệ-thuật lẫn cuộc sống. Ngày nào nghệ-sĩ không cảm thấy công-chúng gần mình, ngày nào nghệ-thuật không hiểu lẽ tồn-tại, nghĩa-lý, công-dụng giữa xã hội cùng phong-tục, nghệ-thuật chẳng béo tàn như người ta có thể tưởng-tượng ;... nghệ thuật không chết mà điên-cuồng lên... Nghệ-sĩ không nhận thấy công chúng gần mình chẳng ngừng việc sản xuất, nhưng sẽ tạo nên những tác-phẩm không mục-đích ; họa sĩ vẽ chẳng rõ tranh của mình treo trên bức tường nào ; nhà điêu-khắc không biết ánh sáng rọi nơi nào để rồi đặt tượng ; thi sĩ ca ngợi và nghe mình ca ngợi » (De l'importance du public). Theo đó, loại nghệ phẩm tầm-thường là thứ thiếu tính-cách thông-cảm linh-hồn người đọc. Không vì một lẽ gì các sách ấy lưu-truyền được tên tuổi người viết. Chúng ta không ngạc nhiên nhận rằng có nhiều thơ văn, đã quen một thời danh-vọng, không được góp mặt trên tạo đàn tranh ảnh do nhà Nguyễn Khánh-Đàm lập nên Trái lại chúng ta tự hỏi sao có nhiều danh văn vắng mặt : chẳng phải những biệt-tài đó không được mọi người hiểu biết. Công-trình của họ ra đời sớm quá chăng và cũng theo André Gide, là những «điều-tra hỏi tương lai » (2) sẽ soi sáng tư-tưởng một tầng lớp sau này trong quốc dân.

PHẠM CHÍ-LƯƠNG
19 Juillet 1942

1) Nhà Nguyễn Khánh-Đàm mở tại Saigon, từ 14 đến 18 Juillet 1942.

2) Les interrogations de l'avenir (Retour de l'URSS).

Thống chế Pétain đã nói :

« Các gia-tộc có nghĩa-vụ giữ-gìn hết đời này sang đời khác những đức-tính cổ-cựu đã làm cho dân-tộc hùng-cường ».

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh - như - Tấu :
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông — Hanoi

Chuyện thơ

LAI-LÁNG TÌNH THƠ...

SONG-CỐI

ĐÊM 29 Juillet 1942. Một đêm trăng suông. Tôi đi trong ánh sáng mờ nhạt để tìm chút thú yên - tĩnh nơi cố hương.

Dọc đường, gặp Lãng - Ngâm - Tử và Minh-Tuyền, tôi dủ cùng đến chơi.

Cánh cổng rộng mở. Chúng tôi thoạt vào đến sân nhà, đã được những đóa ngọc-lan ẩn kín trong những chiếc lá xanh dài, cành dày sin-sít, đón mừng bằng cách tỏa ra một mùi hương nhẹ nhàng thanh-nhã.

Tản bộ bên hai cốc cối, đĩnh-đặc, nghiêm-trang, cao vút, sừng-sững đứng giữa sân, Minh-Tuyền đùa :

— Thảo nào chủ-nhân đặt hiệu là Song Cối. Sẵn cối đây, tha hồ mà « dã » !

Tôi nói :

— Chủ-nhân có ý trồng hai cây cối để thi gan « ngạo sương, khinh rét » với những cây cối ở Khúc-phụ miếu bên Tàu.

Lãng-Ngâm-Tử vội hỏi :

— Không biết những cây cối ở đền đức Khổng-tử bây giờ có còn không nhỉ ?

— Trước đây, tôi đáp, đọc báo, thấy nói hãy còn. Chẳng hay hồi Tưởng-Giới - Thạch và Phùng Ngọc - Tường đánh nhau ở Khúc - phụ, dưới những trận bão bom, mưa súng, mấy cây cối ấy có toàn-vẹn không !

Chiếc chiếu trên « thi-đàn » đã trải.

Chúng tôi ngồi uống trà ở hiên Đông, buông mắt lên vòm trời mênh-mông, cao cả.

Hàng xóm phăng-phắc im tờ, ngoài những tiếng nói chuyện, ngâm thơ và cười ròn của chúng tôi.

Thấy giữa chiếu, đặt một cây đèn gỗ, trên đề đĩa dầu lạc thắp bằng bấc sợi, Lãng-Ngâm-Tử cười :

— Nào xem nào ! Bấy nay cứ chê mãi lối cổ, xem bây giờ có phải sống trở lại lối cổ không ?

Tôi cũng cười :

— Cuộc đời khi thăng lại khi giáng, khi giáng lại khi thăng, có lẽ người ta vẫn sống trong vòng luẩn-quẩn ấy mà không biết !

Từ ban nãy, thấy Minh - Tuyền mà chúng tôi vẫn gọi đùa là « thi-sĩ » gợi chuyện làm thơ, tôi cứ mần thinh, nhưng cách đây độ mươi phút, trong khi vừa tiếp khách, vừa nói chuyện, tôi đã nghĩ xong được mấy câu lục-bát rồi. Tôi liền dùng ngay « chiến-thuật » tiên phát chế nhân để dồn « anh chàng thơ-mộng » này vào bước cuống-quít.

Sau khi giải khát bằng nước trà và nước dừa, tôi liền giao hẹn :

— Chúng ta cùng làm một bài lục bát, tôi xướng trước mấy câu, rồi Lãng-Ngâm-Tử và Minh-Tuyền nối tiếp sau nhá :

Bên đèn dầu lạc lập lòe,
Dưới màn mây đục, trăng hè lơ mơ.
Hiên Đông giải một chiếu thơ,
Hồn văn phiêu-diêu mơ-hồ bay cao.
Long-lanh cái đóm vòn ao,
Nhạt mờ tường vẽ nét đào, bóng mai.
Bấy lâu cầm bút quan-hoài,
Việc trong hồ - hải, chuyện ngoài quan-san...
Gặp nhau ta hãy bàn-hoàn,
Cùng nhau ta hãy ngâm tràn canh sâu ..

Qua một hồi bàn cãi, sau mới ngã ngũ : Không ai chịu nối vần bài tôi, nhưng mỗi người làm riêng một bài tứ tuyệt.

Hết nước dừa, ăn đến cùi dừa...

Ngọn đèn vẫn le lói, .

Run dế vẫn đua nhau ca-hát quanh thềm...

Khách hoặc ngồi im với vẻ trầm ngâm, hoặc lặng-lẽ tản-bộ với một tư-thế đắc ý.

Tôi phá lên cười :

— Rõ bọn mình thật khéo sinh-sự, vô cố dắt nhau vào chỗ làm khổ nhau này ! Đã thế, từ rày có gặp Song-Cối, các bạn nhớ ngảnh mặt đi, kẻo lại bị kéo đến làm thơ đấy !

Lãng-Ngâm-tử gật-gù :

— Được ! Được rồi ! Thế cũng phải nghĩ đến 15 phút. Đây, thơ tôi đây :

Sân hoa gió lọt, bóng trăng mờ.
Một tách chè sen, cốc nước dừa.
Mát nhỉ ! sá chi đời náo-nhiệt !
Ngâm tràn, thêm ngọt giọng làng thơ.

Nghe L.N.T đọc xong, tôi nhìn ra ngoài sân, thấy Minh-Tuyền còn đang lững-thững đi tìm vần thơ bên gốc cây mai gầy cành, thưa lá.

Tôi và L.N.T, bấy giờ tâm thần thư sướng dường như mấy anh thí sinh đã nộp xong quyển thi. Còn Minh-Tuyền khác nào một thầy-đồ, viết chưa đủ quyển mà trống thu-không đang « tùng tùng » điểm giục.

May đâu dưới trăng đưa lại mấy tiếng chó xủa, giúp thêm thi-liệu cho nhà thơ Minh-Tuyền vui-vẻ đọc :

Đêm hè tịch-mịch, bóng trăng suông.
Cây cỏ thiu thiu, dễ gợi buồn.
Lai-láng tình thơ, ngây chủ, khách.
Giật mình : tiếng chó dộn cô thôn.

Trà thêm đượm, bấc đèn thêm khêu, chúng tôi mừng nhau đã thành công trong cuộc chơi văn ngẫu-nhĩ này.

Để ghi nhớ *một đêm thơ* và để cảm tạ thịnh tình nhã ý của khách, tôi kết thúc bằng một bài họa theo vần của L.N.T

Như mây, chữ-nghĩa bấy lâu mờ,
Khơi suối « cao-ngâm » mượn nước dừa.
Đa-tạ cố-nhân cho mấy vận :
Đêm nay đáng gọi « một đêm thơ » !

S. C.

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông - Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 12

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VIII. — Chữ h (bài nối)

Ở trang 120 quyển *Tầm-nguyên từ-điển* dưới chữ *hòe - quế*, ông Lê Văn - Hòe có kể lại truyện Vương-Đán làm bình-chương-sự đời Tống Chân - tôn. Sách *Bổ-chính thiếu-vi*, quyển 21, tờ 35b (sách trường Bác - cổ, số A C 6), thuật lại như sau này, xem có lẽ rõ hơn : « Vương - Đán là con thứ hai Vương-Hựu. Trước kia Phù-Ngạn-Khanh làm quan ở Đại-oanh (trong *Tống-sử*, quyển 269, tờ 3b, chép Vương-Hựu là người Đại - oanh), người ngoài gièm với vua rằng Ngạn - Khanh có chí khác. Vua Thái - tổ sai Vương-Hựu ra thay Ngạn-Khanh, và bảo xét xem động - tĩnh của Ngạn - Khanh thế nào... Vương-Hựu xin lấy trăm nhân - khẩu cố sức bảo-hộ Ngạn - Khanh, và tâu rằng : « Những vua đời Ngũ-Đại phần nhiều nhân sự ghen-ghét gièm nhau mà giết kẻ vô-tội, cho nên hưởng nước không được lâu dài : xin bệ-hạ để ý cho. » Ngạn-Khanh vì thế được khỏi, mà Vương-Hựu cũng vì không theo ý vua Thái-Tổ, nên không được đại - dụng. Hoặc có kẻ cười Vương - Hựu mất ngôi tể-tướng. Vương - Hựu đáp rằng : « Hựu này chẳng làm thì đã có con thứ hai chắc làm ! » «Hựu bất-tố, nhi tử nhi lang tất tố ! » Vương-Hựu tay giồng ba cây hòe ở sân, nói rằng : « Đời sau ta ắt có người làm đến tam-công » Đến đây, tức năm bính-ngọ, hiệu Canh-đức ba, đời Tống Chân-tôn, Vương - Đán quả nhiên làm tể-tướng : đấy là báo-ứng về âm-đức. Tô-Đông-Pha có bài minh *Tam - hòe - đường*, trong nói rằng : « Than ôi ! tốt thay ! sử - nghiệp Ngụy - công (Vương-Đán) cùng cây hòe cùng mọc ; bởi người trước vun giồng siêng-năng, chắc là có đời làm nên ; làm tướng đời Chân - tôn, bốn phương được yên-ổn. Về coi ở nhà, bóng hòe đầy sân, phía đông thành vua, ấy là nhà Tấn-công (Vương-Hựu) ba cây hòe kia xanh tốt rườm-rà, ấy là âm-đức báo tin. »

Ở trang 121, ông Lê văn - Hòe cắt nghĩa *hồ-đồ* « là làm việc lờ mờ không gẫy gọn hợp lý ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa là « bất phân hiểu », nghĩa là chẳng phân rõ, và dẫn một câu trong *Tống - sử* như sau này : « Lã-Đoan tiểu sự hồ-đồ», «Lã Đoan việc nhỏ thì hồ đồ, không cần biết rõ ». Nấu gạo và miến làm cháo cũng gọi là *hồ* : « chử mễ cập miến vi chúc viết *hồ* » Còn chữ *đồ*, ông Lê văn-Hòe chỉ cắt nghĩa là lầy, xoa và phiết. *Từ-nguyên* chua cả những nghĩa sau này : đường xá, lấp lỗ hổng, lấy thuốc vẽ vẽ vào các đồ vật, giấy bẩn, xóa đổi (dùng vào văn tự).

Cũng ở trang 121, dưới chữ *hộ giá*, nên chua rằng xưa nay vẫn đọc là hỗ giá, viết chữ hộ trên lấp dưới, nghĩa là xe ngựa đi theo vua : « tùy tùng thiên-tử xa-giá » Chữ nho ta thường dùng chữ *hộ-giá* vào nghĩa chữ *hộ* là giúp, để gọi người đi hộ - vệ xe vua. Còn chữ hộ-tùng nữa. *Từ-nguyên* chép đời xưa đứng thiên-tử đi tuần-thú, những người theo hầu đều gọi là hộ-tùng : « cổ thời thiên-tử tuần - hạnh, tùy - tòng chi nhân giai xưng hộ-tùng ». *Tả-truyện* chép « vua Thiếu-Hiệu (tức là Đế - chí, 2597 trước kỷ-nguyên) lấy tên chim đặt chức quan, có quan hành-hộ là quan đuổi chim cho dân : danh-từ *hộ-tùng* gốc ở đấy.

Ở trang 124 dưới chữ *hốt*, nên thêm mấy câu này lấy trong *Từ-nguyên* : «Đời xưa từ đấng thiên-tử đến người học-trò đều cầm hốt, làm bằng tre, bằng ngọc, hoặc ngà voi. Đời sau, duy quan có phẩm tước mới được cầm hốt, làm bằng gỗ hay bằng ngà voi ». Khi triều-kiến dùng để cầm, có việc thì viết ở trên để phòng quên sót, ngày nay chỉ cầm ở tay trong khi mặc triều-phục : chữ nho còn gọi là thủ-bản.

Ở trang 126, dưới chữ *huy chương*, ông Lê Văn-Hòe chua « tên hiệu người ta đặt ra để khen ai gọi là huy hiệu ». Theo *Từ-nguyên*, huy-hiệu là dấu hiệu cờ : « tinh kỳ chi chí giã » ; nhà Ân dùng màu trắng, nhà Chu dùng màu đỏ, v. v. Huy-hiệu còn nghĩa là hiệu tốt, « mỹ hiệu » : đế-vương có công đức, thì quần-thần xin dâng huy-hiệu.

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐÃ CÓ BÁN

Xuân Thu

Nhã tập

Tư-tưởng, văn-chương và nghệ-thuật Tiên - Phong.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 85 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXI

Cung-oán (1)

Giời cao muôn trượng thẳm xa,
Quảng-hàn nỡ để Hằng-nga lạnh-lùng!
Tưởng nguồn cơn khéo chạnh-lòng,
Trách duyên, dám trách cửu trùng thẳm phai.
Hồ tôi kém sắc thua tài!
Lầm thương muôn đội lượng giời chở-che.
Xét mình bồ-liễu le-te,
Dám rằng cù-mộc, dám khoe hảo-cầu.
Phận thường bé mọn nữ-lưu,
Muốn trông xét biết ái ưu ghi lòng.
Sách vàng rờ-rỡ ban phong,
Những lo xứng chỉ, lấy trung báo đền.
Tuy rằng kỳ-ngộ thiên-duyên,
Gót đầu toàn đội ơn trên tài bồi.
Non nhân bề đức bằng giời,
Muôn phần báo-đáp, chửa vời hảo-ly.
Trộm xem trên cả nhân nghi,
Vậy nên ai nấy bấc chì mỉa-mai.
Tay đâu bưng được miệng người?
Nắng mưa cũng tiếng tẻ vui lọ là.
Thấy gương nhạt nguyệt thẳm hoa,
Thừa-cơ dễ khiến gièm-pha theo điều.
Nghĩ rằng đức Thuấn nhân Nghiêu,
Hán Đường dù có đâm xeo vầy vò.
Chắc rằng sông núi hẹn-hò,
Hay đâu bể ái vụng dò cùng ao.
Đã cam há dám rằng sao,
Canh chầy vò-võ lầu cao nguyệt tà.
Tưởng khi cầm sắt khúc hòa,
Trăm năm giao-tất một nhà trúc mai.
Bây giờ tin giỡn vãng lai,
Cửa ngăn dì gió, nguyệt cài then xương.
Tưởng khi đằm-ấm thiên-hương,
Ngỡ bền một nghĩa để gương muôn đời.
Bây giờ gần bén xa rời,
Một lòng khôn tỏ nhiều nhời nề-nang.
Tưởng khi lạm sánh nhà vàng,
Nghìn cân dễ chuốc được tràng mộng xuân.
Bây giờ hiềm-hóc ải tần,
Một bề chực-phận, chín lần khôn thâu.
Càng phen càng tỏ mối sầu,
Ngu-trung dễ thấu nhuốm màu thiên-cơ.
Cớ chi nên nỗi sinh sơ,
Bâng-khuâng chí ước, ngẩn-ngơ dạ nguyền.
Vì còn đóa quế non Yên,
Được danh nên nỗi nhiều phen thế này (2).
Nhẫn hờn no dạ khôn khuây,
Buồn xem Vụ-nữ nước mây thêm ngừng.
Nhiều phen sấm chớp vang lừng,
Bồ-hòn đắng ngắt thì gừng lại cay.
Nào khi ngự-giá bình Tây,
Lao cần dám ngại gió lay sương hàn.
Rày trông gối binh ngôi càn,
Tấc gang cách ngỡ mấy ngàn non tây.
Bụng lăm vả tiếng một ngày,
Nỡ cho kẻ bé kết bài dao ca.
Quản bao phận tiện bấy hoa,
Nữa trong thể-thống quốc-gia dường nào!
Dám xin tài-quyết sáng cao,

Núi Nam-Giới

(Núi nầy ngày xưa làm giới-hạn nước Nam với nước Chiêm-thành).

Mênh-mông mặt nước, chân trời,
Nước trong trong vắt, mây trôi lờ-đờ.
Sườn non sóng-soãi hững-hờ,
«Hao hao» giòng suối giấc mơ chưa tàn.
Tay tiên lẫn lựa tiếng đàn
Liễu dương xào xạc nhịp nhàng sóng reo.
Gió ngàn cuốn lá bay theo
Cánh buồm xuôi chốn cô liêu xa vời.
Non xanh, nước biếc ghi lời:
Nam, Chiêm mượn cảnh chia đôi sơn hà.

Cô CẨM-LAI

Quyền-cương xướng để nầy chao kẻ ngoài.
Vững phù-trì, nước lâu dài,
Dẫu sao thì cũng là người nhà vương.
Huống đà lạm dự tao-khang,
Tri gia cũng lấy tam cương làm đầu
Ngập-ngừng kể bõ xiết đâu,
Bút hoa mấy chữ, lệ châu hai hàng.
Cả lòng gửi trước nhà vàng,
Cậy gương nhật nguyệt rõ-ràng chiếu lâm.
Nghìn năm khắc cốt minh tâm,
Kẻo rồi lỗi chữ tình thâm đời cười.
Nền vương sáng rỡ giữa giời,
Hạnh nhờ hồng phúc muôn đời dài lâu (2).

Trích ở quyển *Quốc âm thi ca tạp lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 296.

CXXII

Giả nhời người bạn hỏi vay tiền (3)

Trộm nghe rằng : đạo giao tiếp thấy nhau nghèo phải giúp, song giúp có từng điều ; phận cùng nhân tới lác tảng thì xin, nhưng xin cho phải nhẽ. Chuyện cũ có đưa vàng nuôi bạn ; sự đời không giúp của cười hầu.

Tôi với anh : nghĩa trước đồng khoa, tình xưa khế phổ. Hồ tài mọn, thuở dan tay lên lạ, mười sáu thu trần mộng cũng đều chung ; nhờ lượng xa, nay họp nặt sân đào, năm ba kẻ cựu-giao còn chẳng mấy. Nơi chi thất đôi phen mặn nhạt, chốn mai-hiên mấy độ tỉnh say. Tưởng bấy lâu cũng gieo mận giả quỳnh, nghĩa ấy đã đành ghi dạ sắt ; phỏng việc đáng nhường cơm sẻ áo, nhẽ đâu dám để nặng nhời vàng.

Song việc này thì tình nghĩa về đâu, dẫu có nữa ắt tình văn chưa hợp. Vả anh, giả cao tài mẫn, bực nhất phong-lưu. Gương nhị kiều phòng quế trao duyên, đã cậy sức hải tần nhặt tảo ; sao tam tức cây cù trực phận, thiếu chi người sửa túi nâng khăn ! Kể đến hàng tử-tức cũng dài, nghĩ trong kiếp nhân sinh đã phỉ. Bằng muốn nữa tỳ-thiếp hoan ngu cho thỏa, có chị nâng chén cúc, có chị dọn phòng hoa ; thì tình trong gia đạo tư cấp cũng vừa, đã em tri-phủ Từ, lại em tri huyện Cầm. Vâng đã biết giả càng trái chứng, sao không suy nói chẳng lựa điều ? Há bao nhiêu đồng bạc đồng vàng, lòng Bão-Thúc dám chi bạn hữu ; e mai một tiếng chê tiếng bắc ; giọng Hà đông lây đến cả anh em !

Dám xin liệt vị, trí cố tôn-thai. Thầm nhẽ thị phi, nghĩ đường khả phả. Ai tri thức tấm lòng thơm thảo, hoặc mồng năm ngày tết, gọi có thường-nghi ; ai giao du chút nghĩa yêu đương, hoặc bánh thuốc lạng chè, cũng là lịch sự. Nhiều ít thay nhờ thốn lộc, trước sau đành phụ cố nhân. Dám xin anh : lượng ấy bác dong, việc kia cố hoãn. Tiền hay bạc dẫu đưa ra thì cũng tục, nhiều chẳng có, ít chẳng thông ; bút với nhời đem lại kẻo rằng kiêu, thứ thì nhờ, trách thì chịu. Nay cẩn phục.

Trích ở quyển *Lệ ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số AB 166, tờ 17b-18a.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ *biên-tập*

---

1 Hai bài đăng kỳ này chưa có ai in ra quốc ngữ. Bài *Cung oán* nghe như là bài của vợ chúa Trịnh. Bản nôm của Bác-cổ đề là *Văn* (than vãn).

2 Hai câu này chép theo bản sao của một người bạn. Bản sao của Bác-cổ lâu ngày rách, mất mỗi câu hai chữ.

3 Bản nôm của Bác-cổ đề bài giả nhời cho người bạn đồng-khoa hỏi vay tiền cưới vợ lẽ, là *Tế hình thực*.

Đêm trăng trên sông

Ngân dâu thấp lờ-mờ trên bãi,
Giòng sông sâu nằm giãi dưới trăng.
Sóng vàng nghìn lớp lăn-tăn,
Lượn thôi lại chảy tung tăng qua cầu.

Lúc ẩn hiện, thuyền câu mươi chiếc,
Khi hợp tan, đoàn trước tốp sau.
Mạn thuyền tiếng dịp gõ mau,
Dầm bơi đập sóng bọt ngầu khúc sông.

Ngừng tiếng hát, ngư-ông quăng lưới,
Lỏng tay chèo, mụ lái ru con.
Canh khuya, run dế nỉ-non,
Khiến người lữ khách bồn-chồn lòng quê.

Màn sương xuống, hồn bể lặng lẽ,
Nền giời cao, in vẻ trăng trong.
Trăng trong soi khắp lòng sông,
Bóng chìm đáy nước, gương lồng trên mây.

VÂN-THẠCH

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 1

NHẬT-NHAM

« Bất xuất hộ đình tam, ngũ bộ
« Quát tận giang-sơn thiên vạn trùng »

Không ra khỏi cửa năm, ba bước,
mà biết hết non sông muôn nghìn trùng.

NGÀY 28 Novembre 1941, trong Tri-Tân số 25, tôi đã hiến các bạn đọc một đoạn lịch-sử về hồ Ba-bể và tả rõ nơi đại thắng-cảnh ấy của miền Thượng - du xứ Bắc - kỳ, một nơi danh-thắng không kém phong-cảnh Ngũ - hồ và tám cảnh Tiêu - tương bên Tàu, về phần xảo-diệu. Sau khi « *hồ Ba bể* » xuất-hiện, nhiều bạn yên trí là tôi đã có lần được ngoạn-du Ba bể. Song sự thực, trước chuyến đi này, tôi chưa hề bước chân tới miền Ba bể bao giờ ; mà khi viết bài ấy, tôi cũng làm theo như hai câu thơ trên, chỉ ngồi nhà, dựa vào các tài - liệu đã sưu - tầm được, lạm tô-điểm cho phong-cảnh hồ Ba bể.

Phong-cảnh hồ Ba bể đẹp như thế, nên thời thường tôi vẫn ước mong có phen được mục-kinh bức tranh thiên-nhiên của thợ Tạo an-bài, để so-sánh cái « đẹp mắt thấy » với cái « đẹp tưởng-tượng », xem việc « ngồi xo nói mò » có đôi phần đúng sự thực hay lại giống chuyện « bắp cải không - lồ... ! » Tuy vậy, vẫn e công-vụ đa mang, ngày giờ ít được thư - nhàn, ước - vọng ấy không hay có được như ý chăng !

Thì may thay ! đầu Juillet 1942, được nghỉ 15 ngày hè, lại gặp lúc gia tứ-đệ Như-Bức hoạn-du gần miền Ba-bể, nên không bỏ lỡ dịp, từ Hà-nội khăn gói ra đi, thẳng đường ngược thăm hồ Ba-bể. Vì đường xa, cần bạn đồng - hành, nhân đem gia lục đệ Như-Nghê cùng đi, vừa để thêm vui ở dọc đường, vừa để giúp em về phần mở-mang kiến-thức.

1er Juillet 1942. Một buổi sáng hè, mưa phùn mát-mẻ, hai anh em tôi đáp ô-tô đi Tuyên-quang. Gần giờ chạy, ô-tô tới bến Bờ sông đã đầy hành - khách xếp từ nhà trước. Chúng tôi nhanh chân, trèo lên mới chiếm được chỗ thừa, còn nhiều hành-khách phải ở lại theo sự bắt-buộc hợp pháp của viên cảnh-sát tây, tuy hãng ô - tô vẫn muốn thừa cơ « đóng cá hộp » để trục lợi. Các ngài thử tưởng-tượng trên một khoảng 163 cây số từ Hà nội đến Tuyên-quang mà bắt hành - khách ngồi thu hình bó gối thì còn cái hình-phạt nào khác - nghiệt và vô-nhân - đạo hơn nữa ? Thế mà dù vô-nhân - đạo đến đâu, hãng ô-tô cũng không bao giờ chịu rời chữ lợi ! Các ngài chờ xem.

4 giờ rưỡi, ô - tô mở máy lên đường, hành - khách được ngồi thong-dong từ Hanoi đến cầu sông Luông, theo đường thuộc-địa số 1. Qua cầu sông Luông, ô-tô rẽ sang đường thuộc-địa số 3, rồi chạy từ cây số 9, 4 đến Phù-lỗ. Phù-lỗ ở ngay cây số 27, 8, ô-tô rẽ sang tay trái vào đường thuộc địa số 2.

Đến địa-giới Phúc-yên, cây số 44, ô-tô theo đường sang Vĩnh-yên. Núi Tam-đảo xanh mờ, cao đứng ở phía tây-bắc. Phong cảnh rất đẹp dưới bầu trời quang-đãng lúc bình-minh. Tỉnh lỵ Vĩnh-yên ở cây số 61, 6, có đường lên Tam-đảo giải nhựa. Vùng này bình-thản, đồi núi rất ít, Đến cây số 79, 8, trên sông Lô, có cầu sắt dài 296 thước tây, trên đặt đường hỏa-xa nối Vĩnh-yên với Phú-thọ.

Rồi tới đồn Việt-trì ở cây số 82 là một thị trấn rất sầm-uất, trên bến, dưới thuyền, có ga xe lửa, có đồn binh, có các công sở, phố xá đông vui. Việt - trì là đầu miền trung châu xứ Bắc kỳ. Từ Việt trì trở đi, có nhiều đồi núi, phong cảnh quạnh hưu. Đến cây số 113 là Ngọc tháp, có đường rẽ sang Phú-thọ, dài 6 cây. Chạy được 138, 7 cây số, ô tô tới Phủ Đoan, qua cầu dài 60 thước đặt trên sông Chầy. Phủ Đoan phố xá đông vui, buôn bán phồn thịnh, có sở Kiểm lâm và bến đò. Từ cây số 153, hết địa phận tỉnh Phú thọ, bắt đầu địa giới Tuyên quang ruộng dần dần thu hẹp, để những chỗ cho rừng núi.

Đến cây số 163,5 là tới tỉnh lỵ Tuyên-quang ở ngay trên hữu-ngạn sông Chầy. Ô-tô đỗ ngay đầu tỉnh cho hành-khách xuống.

Tới khi họ xuống hết rồi, chúng tôi cũng chưa kịp nắn xong « bộ giò » để bước chân xuống đất ! Nào có gì đâu ! Chỉ vì chung tôi ngồi ép mãi trong cùng, nên bị «bó giò», rồi tê mỏi, đến nỗi phải chờ 15, 20 phút sau mới lại cử-động được như thường !

Các bạn đọc thử tưởng-tượng từ Hanoi lên Tuyên-quang 163 cây số rưỡi, khởi hành từ 4 giờ rưỡi đến 10 giờ rưỡi sáng mới tới nơi. Đường xa, ngồi 6 giờ đồng-hồ trên ghế gỗ không đệm, cũng đã vất-vả thay ! Thế mà dọc đường, khách xuống không có bao nhiêu, song chỉ có khách xin đáp đi Tuyên-quang thôi. Người làm ô-tô vì quá tham lợi, không hề bỏ lại người nào cho những xe chạy các giờ sau, cứ luôn luôn cho xe dừng lại rồi lên hành-khách như nêm cối ! Họ coi thường cả nhân-mệnh của những kẻ đã nuôi sống họ !

Buồn cười nhất là, trước khi thêm một người hành-khách lên, họ lại dem hết mánh khóe để luân-chuyển những kẻ ngồi trên, tưởng chừng như một khi họ đã lấy tiền rồi, họ không cần đến ai nữa. Gia họ có thể lôi xuống đất, để lấy chỗ cho người khác lên, họ cũng chẳng tha !... Vì họ tự cho là có quyền « chỉ-huy » được hết thảy mọi người ngồi « nhờ » ô-tô của họ.

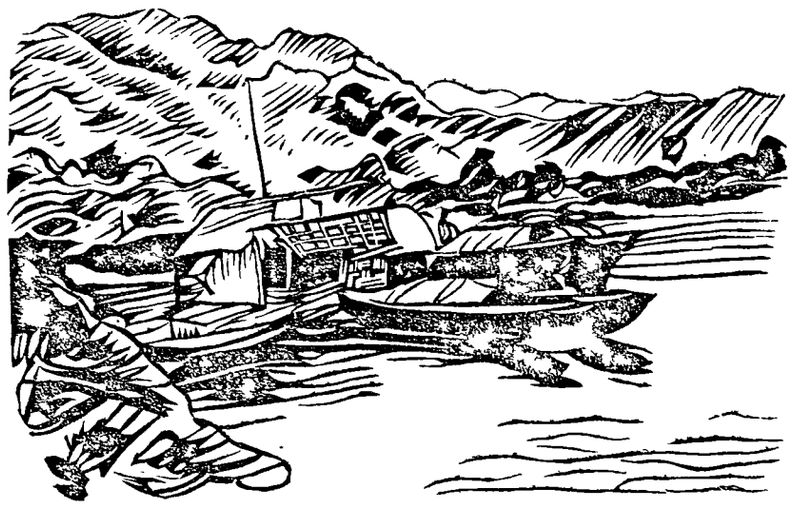

Bến đò Tuyên-quang. (tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân)

Tôi nhận thấy vậy, có đùa anh « ét » (aide) xếp chỗ :

— Các ngài quen việc « ép dầu, mỡ », các ngài nên cố nghĩ ra một cái máy ép. Trước khi hành-khách lên ô-tô, các ngài ép cho thực mỏng, để xếp được nhiều chỗ, đến khi hành khách xuống, các ngài lại « bơm » cho người ta phồng ra như cũ. Thế có phải lưỡng lợi bao nhiêu không ?

Thế rồi suốt dọc đường, trong xe hành-khách luôn luôn cãi, chửi lộn nhau o-thôm — vì chật chỗ, cựa mình đụng-chạm vào nhau, — làm khổ cả hai lỗ tai khách đồng hành.

Khi tới Việt-trì, ô-tô chết máy, phải nghỉ để chữa. Hàng quà bánh xúm quanh. Chợt trên mui xe một thùng dầu thắp đèn, vì người làm cầu thả không buộc cẩn-thận, tự nhiên rơi xuống đất, sượt qua mũi một chị hàng bánh, làm cho chảy máu ra ! May chị ta không đứng gần, nếu đứng gần, thùng dầu rơi trúng đầu, có nhẽ phọt óc ra chết tươi không kịp ngáp ! Thực là rùng rợn ! Thế mà các ngài ô-tô cứ thản nhiên không hề đả-động đến nạn-nhân, lại đặt thùng dầu lên nóc như cũ. Đến khi xe chạy, dầu ở cái thùng ấy chầy ra, rỏ giọt xuống đầu một người đàn-bà nhà quê ngồi trong ô-tô. Người này hết nhời kêu gọi, nhưng nhân-viên ô-tô cũng làm thinh ! Sau bà ta phải tự lấy tay hứng lấy dầu, rồi vẩy xuống đường, luôn luôn mới tránh khỏi nạn dầu rơi xuống đầu. Tôi đùa bà ta ; «Ở Hà-nội, nhiều cô thiếu-nữ đi tìm kiếm khắp nơi không mua được dầu bôi tóc ! Nay tự nhiên có dầu rơi vào tóc bà, vừa mượt, vừa không mất tiền, bà đã được voi, bà còn đòi tiên, thực người đời không biết thế nào cho vừa lòng được ! »

Dầu ấy là của hành-khách gửi đặt lên nóc ô-tô, nên các người làm ô-tô không quan-tâm ! Có nhẽ tới nơi cũng chỉ còn có vỏ thùng không ! Chờ bắt đền được, chắc không phải dễ, không phải chóng !

Ấy đấy, cách cư xử của người mình có đáng ngán không ! Phần đông chỉ nghĩ đến lợi riêng, « sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi », có mấy ai đã biết trong cái quyền lợi của người khác. Vị kỷ mà chẳng vị tha, xưa nay vốn là bệnh chung của người đời.

Tiện đây, xin nhắn nhà doanh-nghiệp đã khéo đào-tạo được một đoàn đệ-tử « vun giồng » cho mình như thế, cũng nên bước từ-từ trên đường « ngư-lợi » Đồng tiền lấy của người, nên cho xứng đáng với công khó nhọc của mình, chớ có hấp tấp xây lâu-đài trên bãi cát như biết bao bạn đồng-nghiệp đã từng lên voi mà nay đương khốn đốn vì cái công-lệ của tạo-hóa : nhân nào quả ấy ! Ngày nào loài người còn say đắm trong cái bể tham không đáy, ngày nào loài người còn luẩn-quẩn trong vòng «tam độc» *tham, sân, si*, thì trên sân khấu doanh hoàn còn diễn nhiều tấn tuồng bi đát...

Tại bến ô tô Tuyên-quang, hành khách mới tới phải đưa trình thẻ thuế thân cho một viên cảnh sát vào sổ. Sau khi chờ đợi 20 phút đồng hồ để lấy lại thẻ tùy thân, anh em tôi thuê xe tay tới sở Kho bạc là nơi có người nhà tòng sự. Vì mới lần đầu bước chân đến đất Tuyên thành, nên đường lối chưa quen. Một cuốc xe tỉnh nhỏ tới 0p30, đủ tỏ nhân công trên miền rừng vẫn đắt hơn dưới xuôi nhiều.

Nhân ông Chánh Kho-bạc là lệnh lang quan Thống - sứ Wintrebert, vốn đã có dịp biết tôi hồi tôi còn tòng sự tại tòa sứ Hưng - yên dưới quyền cụ thân - sinh ông, nên tôi thân vào vấn - an một thể. Ông Chánh Kho-bạc tiếp tôi một cách niềm-nở, sau lại có nhã-ý cho phép người nhà tôi về sớm và nghỉ cả buổi chiều để hướng-dẫn chúng tôi đi thăm các nơi trong tỉnh. Trước thái-độ khoan-hồng ấy, chúng tôi rất cảm-động và biết ơn.

Cái cảm-tình đối với sở Kho-bạc Tuyên-quang không những chỉ có thế thôi, mà còn thêm một cái kỷ niệm không bao giờ quên được.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 31 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

THEO bia Văn-miếu, thì dưới tên ba ông Dương-Châu, Bùi-viết-Lương và Quách-hữu-Nghiêm có những ông sau này cũng đỗ đệ-nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân, khoa bính-tuất năm Quang-thuận thứ bảy, tức là năm 1466 :

4 — Hà-công-Trình, người xã Hàu-thạch, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang. Đỗ năm ba-mươi-ba tuổi. Năm Cảnh-thống nhâm-tuất 1502, làm Quốc-tử-giám tế-tửu, dần-dần thăng thượng-thư bộ Công, bộ Hình, bộ Binh, thêm chức nhập-thị kinh-diên. Hưởng thọ hơn bảy-mươi tuổi. Ông là tổ bảy đời Hà-tôn-Mục (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, sách viết của Bác-cổ, số A 485, thu tập trung, tờ 2a, và *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 13 b).

5. — Lương-Hối, người xã Hà-lỗ, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn. Làm quan đến phó-đô-ngự-sử (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, tờ 26 b ; còn *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 a, chép : làm quan đến vương-phó (?)

6. — Nguyễn-đôn-Phục, người xã Tri-lễ, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. Năm Hồng-đức giáp-ngọ 1474, sung chức phó-sứ cống-bộ. Làm quan đến tả-thị-lang, kiêm Đông-các đại-học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn-nam*, sách viết của Bác-cổ, số A 485, tờ 33 a).

7. — Đoàn-Lạn, người xã Hồng-lục, huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 a, chép là huyện Trường-tân. Vâng mệnh đi sứ, làm quan đến thừa-tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 36 a) .

8. — Phạm-thừa-Nghiệp, người xã Ngọ-kiều, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an. Ngụ ở thôn Đông-trụ, xã Lâm-hạ. Có đi sứ, làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, tờ 79 b).

Cũng khoa bính-tuất, năm Quang-thuận thứ bảy, 1466, mười-chín ông đỗ đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân, là những ông sau này :

1. — Nguyễn-nhân-Thiếp, người xã Kim-đôi, huyện Võ-giàng, phủ Từ-sơn. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 a, chép là huyện Võ-ninh. Nguyên-quán ở làng Lạc-thổ, huyện Phượng-sơn. Đỗ năm mười-lăm tuổi, cùng với anh là Nhân-Bị (xem số 4 dưới này). Năm Quang-thuận đinh-hợi, 1467, đang làm tri-huyện, thi đỗ khoa hoành-từ, được cử vào Bí-thư-giám đọc sách. Năm Cảnh-thống thứ nhất, 1498, làm Đông-các học-sĩ, kiêm Quốc-tử-giám tế-tửu. Văn-chương được người đời khen-ngợi. Lúc ấy bốn-mươi-tám tuổi, thăng Lại-bộ thượng-thư. Năm anh em làm quan đồng thời : anh là Xung-Xác và Nhân-Bị, em là Nhân-Dịch và Nhân-Dư, đều đỗ cùng triều. Con cháu kế-tiếp đỗ-đạt : con là Huân và Kính, cháu (gọi ông là bác) là Dũng-Nghĩa, Đạo-Diễn và Củng-Thuận, cũng đỗ cả ; trong khoảng ba-mươi năm, một họ chín tiến-sĩ, thật là một nhà thi-thư thịnh-vượng, xưa nay ít có (*Lịch-triều hiến-chương*, quyển 11 ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, tờ 2 b ; (*Đại-Nam nhất thống chí*, quyển *Bắc ninh*, A 69, tờ 31 b).

2. — Nguyễn quang-Lộc (*Lê-triều tiến-sĩ đề-danh bi-ký*, sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 20a, chép là Nguyễn quang-Báo), người phường Đông-các, huyện Thọ xương, phủ Phụng-thiên. Đỗ năm bốn mươi chín tuổi, làm

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . *Một công trình có giá trị về lịch sử và một tấm gương tiết thảo để soi chung* ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM

12, Rue Sabourain, Saigon

phát hành.

SẮP CÓ BÁN

Một tập phê-bình của LÊ-THANH

Văn-nhân và thi-nhân Việt-nam ngày nay

tập thứ nhất

TỦ MỞ

quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Phụng-thiên*, số sách Bác-cổ A 485, tờ 103 a).

3. — Nguyễn tất-Bột, người xã Tôn-lỗ, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa, tỉnh Hà-tĩnh. Bia Văn-miếu khắc là xã Lỗ tôn, *Lê-triều tiến sĩ đề danh bi ký* chép là xã Tống lỗ, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b và *Đăng khoa bị khảo*, thu tập trang, tờ 47 a, chép là xã Tôn-lỗ Đỗ năm hai mươi tám tuổi. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn, thăng hữu-thị-lang, về trí-sĩ.

4. — Nguyễn nhân-Bị (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, chép là Nguyễn nhân Bị), người xã Kim-đôi, huyện Võ giàng, phủ Từ sơn. Lúc trẻ tuổi rất thông-minh, vẫn tự chắc là đỗ đầu. Mười chín tuổi cùng với em là Nguyễn nhân-Thiếp đỗ phụ bảng (xem số 1 trên kia, giận không được như ý, xin từ đồng-tiến sĩ, về đọc sách. Đến năm ba mươi tư tuổi, lại đỗ đồng-tiến sĩ khoa tân-sửu, năm Hồng-đức mười hai, 1481. Lúc ấy các em đều hiển đạt, ông không xin từ nữa, nhưng vẫn giận là không được đỗ tiến sĩ cập-đệ. Mùa đông năm ất-mão 1495, làm Hàn-lâm-viện hiệu lý, dự Tao-đàn nhị thập bát tú, rồi thăng Binh-bộ thượng thư. Vâng mệnh đi sứ. Là anh Nguyễn nhân-Thiếp, Nguyễn-xung-Xác, Nguyễn nhân-Dư và Nguyễn nhân-Dịch; là bác Nguyễn Huân, Nguyễn Kính và Nguyễn đạo-Diễn; là chú Nguyễn cảng-Thuận. Sinh ra Nguyễn dũng-Nghĩa. Là tụng-tổ Nguyễn đức-Lượng (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh bắc*, tờ 4 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b)

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Đón coi :

1°) Phê-bình «*Bóng-mơ*» của bà Tú-Hoa *KIỀU-THANH-QUẾ viết*

2°) Những sự thay đổi trong ban tiểu-học Pháp

của *NHÂN-NGHĨA*

Sách mới

Bản-chí nhận được :

Sợ Sống trong tủ sách « Người Hùng do tác-giả Lê-văn-Trương gửi tặng.

Sách dầy 153 trang, giá 1$.

Xin cảm-ơn ông và vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc.

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Sắp phát hành hai cuốn sách quí

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Một công trình nghiên cứu và phê-bình về nghệ-thuật, văn học, ngôn ngữ và phong tục của nhà kiến trúc.

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ *Đã được ông Tố (Bác-cổ) và nhiều báo chí Pháp, Nam ngợi khen.* (Có in một số sách đẹp giấy bouffant và lệnh chỉ thượng hạng dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa đạo lý triết học Đông-tây như Épicure, Stuart Mill, Ben-tham, Zénon, Épitecte, Auguste Comte, Kant, Schopenhauer, Dur-khein ....

Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Trang Tử, Mạnh Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, v.v. để tìm lấy một đạo sống chiết-trung, xứng đáng với loài người (Có in một số sách đẹp bằng giấy lệnh chỉ và giấy regrist dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

Sách bán gần hết Giá 2 p. 00

THI-THOẠI

Mua sách, đặt sách, đề : M. LÊ VĂN-HOÈ giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis rue Tien Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 $ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 $ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p 30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Thời - đàm

Trở lại vấn-đề Liên Mỹ và chủ - nghĩa Monroë...

LẦN trước đã nói tới Monroe là một vị Tổng-thống Hoa kỳ. Nay xin thuật rõ lịch-sử vị Tổng-thống ấy như sau này :

Monroe James, sinh tại Monroés creek (Virginie) năm 1759, mất tại Nữu-ước năm 1831, là một vị Tổng-thống Hoa-kỳ đứng hàng thứ năm, sau các vị Tổng-thống Washington (1789-1797) John Adams (1797-1801), Jefferson (1801-1709), Madison (1809-1817). Sau khi lập được nhiều chiến công oanh-liệt trong trận độc-lập, Monroe được bầu làm hội-viên hạt Virginie năm 1782. Năm sau 1783, lại được cử đi dự hội nghị toàn-quốc. Lần lượt làm trang-sự tại Fredericksburg (1786), làm hội-viên hội-đồng xét bản hiến pháp (1788) làm thượng nghị viên (1790), làm đại-sứ Hoa-kỳ tại Paris (1794-1796), làm thống-đốc hạt Virginie (1799-1802), Monroe đã giải-quyết được nhiều vấn-đề ngoại giao do Tổng-thống Jefferson uỷ-thác, và điều-đình với nước Pháp để mua xứ Louisane 1803. Năm 1811 Monroe lại được tái cử làm thống-đốc hạt Virginie. Đương khi giữ chức phó-tổng-trưởng tại bộ ngoại - giao (1812-1815), dưới chính-thể Tổng-thống Madison Monroe rất được chú ý trong trận đánh nhau với nước Anh. Đến Novembre 1816, Monroe được bầu làm Tổng-thống toàn quốc và năm 1820, lại được tái cử.

Tổng thống Monroe thực hành chính sách khoan hồng. Năm 1820, sau cuộc điều đình tại Missouri, ra lệnh cấm tục mãi mô miền bắc ; ký hiệp-ước với Tây-ban-nha ngày 22 février 1819, sáp nhập doi đất Floride vào dư-đồ Hoa-kỳ.

Tổng thống Monroe đã phát biểu chủ nghĩa thường gọi là chủ-nghĩa Mon roe.

Kỳ trước đã thuật qua chủ-nghĩa Monroe. Nay xin nói rõ hơn về nghĩa ấy.

Sau cuộc chiến tranh với nước Anh, xứ Hoa-kỳ trước kia vẫn bị các cường - quốc Cựu-lục-địa coi thường, nay đã tự phụ có đủ lực lượng và có một nền quốc gia vững vàng. Đã đến lúc Hoa kỳ cần phải làm cho Âu-châu biết đến địa vị của mình. Tại hội nghị Vérone, các phần tử « hiệp ước liên minh thần thánh » (Sainte Alliance) quyết định can thiệp đến các thuộc địa Tây-ban nha tại Mỹ châu hiện đương nổi loạn. Vì Tổng thống Monroe mới công nhận các thuộc địa này là những nước độc-lập, nên ngày 2 Décembre 1823, Tổng-thống gửi cho quốc-hội một bản công-điệp gồm tất cả chủ-nghĩa thường gọi là chủ-nghĩa Monroe, một chính sách giữ nền trật-tự cho Tân-lục-địa và mưu cuộc trị-an cho quốc-gia. Bản công-điệp đại cương có hai điều quan-trọng : Mỹ-châu không tham-dự đến công việc Âu-châu ; trái lại, Âu-châu không được can-thiệp đến công việc Tân - lục - địa ; Hoa-kỳ không công nhận cho một nước nào đến chiếm đất làm thuộc-địa hay can thiệp vào công việc Mỹ-châu bằng võ-lực. Khoản thứ hai này là điều cốt-yếu của chủ-nghĩa Monroe. Sự thi hành khoản này càng bành-trướng bao nhiêu thì sự quan hệ càng tăng lên bấy nhiêu.

Nhưng không phải chủ - nghĩa Monroe chỉ là cái chính sách cương-quyết bắt buộc Hoa-kỳ phải can-thiệp, để chống lại nạn ngoại-xâm ngoài các thuộc-địa của Âu-châu đã có tại Mỹ-châu.

Trái lại, chính sách bất can thiệp của Mỹ-châu đến các công - việc Âu-châu không ngăn trở Hoa-kỳ dự vào cuộc thế-giới chiến-tranh và dự phần trong việc giải-quyết các vấn-đề hòa-ước sau khi cuộc chiến-tranh kết liễu.

Về sau, có nhiều bản công-bố làm rõ-rệt chính - sách ngăn cản không cho Âu-châu can - thiệp đến chính-trị Mỹ-châu.

a.) Madison Pol (1845 1848) công bố không cho các nước Âu châu chiếm hay mua, thuê có hợp đồng, những thuộc địa tại Mỹ châu.

b.) Chủ nghĩa Grant 1870 cấm các cường quốc Âu-châu không được chiếm một mẩu đất nào của Mỹ châu, dù bằng cách nào, dù dân tộc bị chiếm vui lòng cho chiếm.

c.) Năm 1912, quyết nghị. Lodge ngăn trở việc tậu các hải cảng Mỹ-châu, dù có giấy hợp đồng ký với các nước ngoài Mỹ châu hay các tư-nhân không thuộc chủng loại Mỹ.

d.) Nhiều bản công bố tại La Haye vào năm 1899 1907 và sau cuộc điều đình không dự chiến vào ngày 27 Août 1928, càng làm thực hiện chính sách ngăn cản các nước Âu-châu không được can thiệp đến các vấn đề Mỹ-châu.

đ.) Sau khi vua Louis XVIII nước Pháp trung-hưng, nước Pháp và nước Tây-ban-nha bắt đầu bành trướng thế lực tới Nam-Mỹ, để chiếm lại các thuộc địa Tây ban nha, nhờ sự ủng hộ của hải-quân Pháp.

Một cuộc «Liên-minh thần-thánh» giữa các vị Hoàng-đế Nga, Áo, Bỉ, Pháp không công - nhận kết - quả phong-trào cách-mệnh tại các nước trên thế-giới, mục đích để giúp các triều-đình trung-hưng.

Hồi ấy, các nước Trung-Mỹ và Nam-Mỹ đã thoát ly quyền bảo-hộ Tây-ban-nha, sau khi hoàng-đế Nã-phá-luân chiếm xứ Tây-ban-nha và giam cầm hoàng quyền, việc giao thiệp giữa Tây ban nha và các thuộc địa Mỹ trở nên khó khăn, rồi dần dần, các nước ấy công bố độc lập. Xứ Tây-ban-nha coi các nước ấy là các nước phiến loạn, nhưng Hoa-kỳ công nhận các nước ấy là độc lập.

còn nữa

NHẬT-NHAM

Nam-đàn bát châu tục thảo

Số 1

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo nhân

L. T. S. – Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục tiên-sinh là một yếu-nhân trong nhóm Nam-Phong trước và là một đại-thủ-bút trong làng thơ Việt-nam.

Nay tiên-sinh có khởi xướng ra thể thơ riêng, gọi là « *Nam-đàn bát châu* », đã được nhiều bạn gần xa thưởng thức như mới đây chúng tôi đã đăng mấy bài hưởng-ứng trên tờ Tri-Tân này.

Vì cảm-tình với bản-chí, tiên-sinh có gửi ra cho chúng tôi một bức thư và tập *Tục-thảo* lối thơ ấy. Vậy xin lục đăng dần để tỏ ý cám ơn tiên-sinh và giới-thiệu với các bạn đọc thân-yêu một thể thơ hoàn-toàn việt-nam do một thi-nhân lão-thành đã sáng-chế một cách đáng cảm-động trong khi bất hạnh không thấy ánh sáng.

..

Hadong le 25 Juillet 1942

Tri-Tân qui-tạp-chí

Thưa các ngài

Tôi đã xin cam ơn Qui Tạp-chí từ bấy lâu nay đối với tôi thực có dư nhã-ý. Tôi lại hân-hạnh rằng tôi được đồng-ý với các ngài trong qui-báo về một mục-đích nhiệt-thành khảo-cứu cổ-học, bồi-bổ cho quốc-văn.

Mới đây tôi có tập chuyết-thảo là Nam-đàn-bát-châu thi-thảo, *bởi lòng nhiệt-thành Quốc-văn khơi-kiến, đem cống-hiến lên thi-xã.*

Hiện nay tôi trộm xin xếp đặt tập thi-thảo ấy làm hai bộ-phận là Sơ-thảo và Tục-thảo. Sơ-thảo thì xin cử kính nhờ Đông-Pháp qui-báo lựa có thì-giờ tiếp-tục lục-đăng như trước. Tục-thảo thì nay xin kính nhờ Tri-Tân qui tạp-chí xét đăng tiếp-tục, tôi sẽ được dịp cám ơn qui-báo về sau này, kể kỳ này là kỳ thứ nhất. Ngõ-hầu đền-bù được cái lòng chờ-đợi yêu-tiếc hải-nhặt thi-văn Quốc-âm của hải-nội chư quân-tử.

(*Dưới lược*). *Nay kính thư*

Tùng-Vân NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

I

LONG-THÀNH, CUNG-CHIÊM KHỔNG-MIẾU NGHĨ-BÚT

(Thơ soạn)

Đạo nhược lộ, vào chiêm Khổng-miếu :
Thánh tức thiên, hoa-biểu chữ rành-rành.
Một tòa lâu các, cung đình,
Gió mưa Âu, Á, thanh-danh Nhị, Nùng.
Nền luân-lý của phương Đông tốt-đẹp ;
Quả văn minh trên đất Việt hẳn hoi.
Non xanh nước biếc còn dài ;
Tu, tề, bình, trị, còn lời Tố-vương

Chú-thích

Khổng-miếu : tức Văn-miếu ở phía nam thành Thăng-long.

Nghĩ bút : người không đi đến, mà ý đi đến, bút đi đến. Thể nghĩ-bút ấy, một là dùng tài liệu ở trong sử-sách, hai là dùng tài-liệu ở những chỗ bình nhất đã từng quan-sát lịch-duyệt. Nếu trái lệ ấy là thơ chiêm-bao.

Đạo nhược lộ : đạo như đường cái, nói con đường chính-đáng, người ta cùng noi theo.

Thánh tức thiên : thánh tức là trời, nói thánh-nhân đạo-đức cao rộng. « Đạo nhược lộ nhiên, thánh tức nhiên dã », đều là chữ trong câu đối ngày xưa để khắc ở cột hoa-biểu trước cửa miếu.

Hoa-biểu : cái cột chạm-vẽ nét hoa, hoặc bằng đồng, hoặc bằng đá, hoặc bằng vôi-gạch, xây dựng lên ở giữa trời, để biểu-hiệu ra cái tinh-thần gì đó, gọi là cột hoa-biểu.

Tu, tề, bình, trị : lời Kinh-văn, sách *Đại-học* : « Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ ».

Tố-vương : ông vua không quyền-vị nghĩa là vua triết-học. Đó là một danh hiệu người đời sau kêu Khổng-thánh. Vì ngài tuy có đức là thánh-nhân, song không có quyền-vị là thiên-tử ; chỉ đem luân-lý triết-học thành-lập cho nhân-loại, cứu-giúp muôn đời.

II

KIẾM-HỒ LÂM-THẮNG, TRUY-CẢM

(Thơ soạn)

Thẳng Bút-tháp qua kiều Thê-húc,
Lên đình Ba, ngồi đảo Ngọc, ngắm xinh thay !
Sắc trời, sắc nước, sắc cây ;
Ngày xưa bóng nguyệt, ngày nay bóng đèn.
Hồ Hoàn-kiếm cảnh tiên trong thị phố ;
Thành Thăng long, danh cũ đất vương đô.
Phồn hoa thủa tráng niên du ;
Ngâm câu « bất yểm », chữ « hồ thượng-sơn ».

Chú thích

Truy-cảm : sự đã trải qua mà cảm-thuật lại. *Bất-yểm-hồ-thượng-sơn* : Đường-thi : « Dạ tọa bất yểm hồ thượng-nguyệt, trú hành bất-yểm hồ-thượng-sơn ». Câu thơ ấy thực đã thích-hợp về cảnh Kiếm-hồ, mà chữ bất-yểm thực đủ làm phương thuốc tỉnh-thức cho khách phồn-hoa. « Dạ-tọa » là đêm ngồi, « Trú-hành » là ngày đi.

kỳ sau sẽ tiếp

Hà-đông, NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Đã xuất bản

Mẹo chữ Hán, một quyển sách rất cần cho người học chữ Hán. Giá 0p.35

Nét mực tình (thơ văn) của cử-nhân Dương Bá-Trạc. Giá 0p.30

Tiếng gọi đàn (luận thuyết) — id — Giá 0p.30

Đời tài hoa (tập lịch-sử ký của cụ Nguyễn Hàm-Ninh, bạn đồng thời với các cụ Cao Bá-Quát, Nguyễn Văn-Siêu, Nguyễn Công-Trứ, Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý-Vương). trong sách có tự-tích cụ Cao Bá-Quát và Tùng Thiện-Vương. Giá 0p.35

Công việc nhà Băng (sách này rất cần cho các nhà buôn) của Dương Tự-Nguyên. Giá 0p 65

Vận văn bách tuyển (sách cho trẻ học rất tốt đã in đến lần thứ 5, của Dương Tự-Quán. Giá 0p.50

Tập bài thi bằng sơ học yếu lược của Dương Quảng-Hàm và Dương Tự-Quán đã in đến lần thứ 7 Giá 0p 55

Ấu học pháp tự tân thư, trẻ con mới học chữ Pháp nên dùng quyển này của Đặng đình-Hướng, đã in đến lần thứ 5 Giá 0p.12

Mua 1 quyển thêm cước thường 0p.10

Mua cả, cước chung từ 0 p28 đến 0p.48

Đề cho : ĐÔNG - TÂY THƯ QUÁN *195, Hàng Bông — Hanoi*

HẬU - QUÂN

LÊ - CHẤT

(1768 - 1826)

của NGUYỄN TRIỆU

III

SAU khi Lê - Chất mất được rằm năm, thì có việc ngụy Khôi làm phản ở thành Gia-định. Năm Canh-ngọ (1834) án Lê văn-Duyệt phát ra. Đến năm sau, Lại-bộ Tả-thị-lang Lê-Bá-Tú, truy xét đến những tội Lê Chất khi còn sống nào «bất đạo», nào «bất thần», có 6 điều phải ghép vào tử - tội :

1) Chất dám cùng Duyệt toan mưu việc phế lập, vì có hai đứa ở biết nên Chất giết chết chúng đi cho khỏi tiết-lộ, ấy là một tội ;

2) Mấy lần cứ nài xin cho Hoàng-tử để làm con nuôi, muốn bắt chước cái lối cũ của Dương Kiên, ấy là hai tội ;

3) Không được thỏa chí về việc muốn cho những con gái chính vị ở trong cung, Chất nói ra những lời oán vọng, ấy là ba tội ;

4) Lê Chất thời - thường nói chuyện với Lê văn-Duyệt rằng : « Người ta thường nói : đối với « trời, vua và cha mẹ, người làm « con hay làm tôi dù có điều gì bất « bình cũng không dám giận, thế « mà một mình tôi dám giận đấy ! » ấy là bốn tội ;

5) Lê Chất lại còn nói : « Vua chỉ « cậy có Trịnh Hoài-Đức và Nguyễn « Hữu Thận làm tâm-phúc, bây giờ « chỉ đem theo vài trăm quân vào « chầu, cứ quát to lên một tiếng là « bọn ấy phải phục cả xuống đất, « rồi ta tha hồ muốn làm gì thì « làm...! » ấy là năm tội ;

6) Chất lại còn dám nói : « Quốc« tính đổi làm Tôn-thất, đều là tại « bọn Hoài-Đức a dua xui giục, chỉ « nên bắt đem mà chém ở cửa « Miếu để chính tội ! » ấy là sáu tội.

Lê Chất lại còn phạm 10 tội tiến-lạm nữa :

1·— Khi ở Bắc-thành, đầu năm điểm binh, dám lên lầu Ngọ-môn ngồi chính giữa ;

2·— Hằng năm có thuyền công tải ngoài bể, đem của tư mà chở vào thuyền công ;

3·— Cùng Lê văn-Duyệt bảo nhau từ chức để toan làm khó nhà vua ;

4·— Tự tiện trong các việc sinh sát ;

5·— Ăn lễ đút trái phép, nên mới giàu đến hàng nghìn, hàng vạn ;

6·— Làm tấu-sớ không hợp phép ; đã có chỉ không cho mà vẫn cứ nộp lại, sau có Lê văn-Duyệt ngăn cản mới chịu thôi ;

7·— Nuôi những cung-nữ tiên-triều trong nhà mà không kiêng-nể ai cả ;

8·— Lấy những nơi công - sảnh mà tiếm làm gác chuông và gác trống ;

9·— Án Lê Duy-Thanh đã thành rồi, lại còn cùng Lê văn-Duyệt xin đem nghị lại ;

10·— Điều bổ cơ-binh và phủ-binh, xin lấy chức văn-quan mà thi - hành.

Vậy xin giao cho Đình-thần nghị xét để chính tội danh, mà làm gương cho đời sau.

Đức Minh-mạng bèn dụ rằng :

« Lê Chất tính vốn sài lang, nết như ma quỷ. Làm tôi thì bất chung, bất chính, làm việc đại ác, đại gian ; việc nào cũng là càn - rỡ, ai mà không tức - giận cho được ! Chẳng những chỉ có 16 tội ấy mà thôi đâu !

« Trước kia trẫm nghi hắn cùng Lê văn-Duyệt dẫu mang lòng bất thần, nhưng chẳng có ai theo nào, thì chắc cũng không dám gây sự.

« Vả, hắn là nhất -phẩm đại-thần, dù có mưu gian mà thần-dân không ai tố-cáo, thì cũng không nỡ bắt tội. Kể đến hắn chịu chết rồi thì lưới trời tưởng cũng không thoát được, cho nên cũng chẳng kể đến làm gì nữa.

Nay đã có người tham - hạch, vậy thì phải trái phải cho công và đã có phép luật Triều-đình. Vậy chuẩn cho Đình - thần đem 16 tội của hắn ra mà định rõ tội danh ; còn vợ con hắn thì cũng cứ theo án luật mà nghị xử. Duy con gái mà đã xuất-giá cùng là cháu giai mà còn nhỏ thì được tha ».

Các quan Đình-thần nghị rằng :

« Lê-Chất bất phép, bất trung, đại gian, đại ác, 6 tội phải lăng-trì, 8 tội nên xử trảm và 2 tội nên phải giảo. Những tội phạm phận, âm-mưu thì xử vào tội bạn nghịch mà lăng-trì. Song y đã chịu tội chết rồi, thì xin truy đoạt lại tất cả cáo sắc, bỏ áo quan ra bêu đầu và lạc thây để răn đời. Lại xin truy-đoạt lại tất cả các cáo sắc đã phong cho cha mẹ. Vợ là Lê thị-Sa đã đồng mưu bạn với chồng phải nghị trảm lập quyết. Lại phải cho các Tổng-đốc, Tuần-phủ, mỗi nơi một bản văn-án này để họ tâu-bày ý-kiến cho rõ công-thị.

Sau đó các quan địa-phương cáo

Giá báo

Mỗi số	0 p.	20
1 năm	8	50
6 tháng	4	50
3 tháng	3	25

Công sở giả gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Để cho :

M. le Directeur de la revue Tri-Tân Hanoi

nơi cũng cùng theo một ý ấy cả mà tâu về xin y đình nghị.

Vua Minh-Mạng lại dụ rằng :

« *Xem như vậy thì đủ rõ lẽ trời ở lại lòng người ta cả, công-luận cũng không bao giờ mất. Kẻ gian-thần chứa vạ, muôn miệng cùng một lời, đủ làm cái án sắt thiên cổ. Vả, Lê-Chất cùng với Lê Văn-Duyệt dựa lẫn nhau mà làm gian thì cái tội ác kia cứ nhổ từng sợi tóc mà đếm cũng không hết. Giả thử đem bổ áo-quan mà giết cái thây thì cũng chẳng phải là quá. Song nghĩ lại, Chất cũng tội như Duyệt, trước kia Duyệt đã không phải bổ quan đánh thây thì nay cái nắm xương khô của Chất cũng không cần phải bắt tội đến !*

« *Vậy cho Tổng-đốc Bình-phú Võ Xuân-Cẩn cho cuốc bằng mả và đặt bảng đá ở trên đề to mấy chữ* « **Gian thần Lê Chất phục pháp xứ** » *(1) để làm gương cho những kẻ gian tặc muôn đời. Còn vợ hắn là Lê thị-Sa cũng ở một nhà dự biết mưu bạn nghịch, xử vào cực-hình thì cũng quá đáng, song kẻ đàn-bà chẳng cần phải vội vàng chính-pháp. Vậy Lê thị-Sa cùng bầy con là Lê-Cận, Lê-Trương, Lê-Thường, Lê-Kỵ đều cho đổi ra tội trảm-giam-hậu và tịch biên gia-sản tất cả được hơn hai vạn hai nghìn quan, ký vào kho tỉnh* ».

Các quan tỉnh bắt Lê thị-Sa ra tra hỏi, thì thị-Sa khai rằng : *Cách vài ba mươi năm về sau đầy, đầu, chân, da, tóc đều là của Triều-đình ban cho cả. Nay đã đến nông-nỗi này thì cũng xin chịu cam tâm, tội chồng tôi, là tội của tôi vậy. Còn sự sinh sát là ở tại số-mạng cả* ».

Nhà in Tri-Tân

70, Bạch-mai Hanoi zône

nhận in đủ các việc

Trước Lê-Chất cũng có con gái tên là Tân tiến cung, đẻ ra Hoàng-tử Miên-Liêu tức là Quỳ-châu quận công cũng bị bắt giam và chết trong ngục.

Con trưởng Chất tên là Hậu được kén làm phò-mã lấy Ngọc-Cửu công chúa là con gái thứ 8 đức Gia-Long, mất tự năm Canh-dần 1830. Bọn Cận, Trương, Thường, Kỵ đều bị xử quyết hồi mùa thu năm Minh-Mạng thứ mười chín 1838, và mẹ là thị-Sa thì phát về nguyên-quán bắt làm tôi-đòi đi ở với người ta.

Cháu là lũ tên Luận thì được giảm cho ra ngoài biên-thùy sung quân ở đất Cao-bằng.

Năm Thiệu-Trị nguyên-niên, 1841, quan Đông-các đại-học-sĩ Võ Xuân-Cẩn dâng sớ xin truy-lục công-trạng và phục lại quan-chức cho bọn Lê Văn-Duyệt, vì thế mà cháu Chất là Luận cũng được ân-xá và cho lên chức Cai-đội chư-quân.

Năm Mậu-thân 1848 là năm đầu vua Tự-đức mới lên ngôi, Đông-các đại-học-sĩ Võ Xuân-Cẩn lại dâng sớ minh-oan cho bọn Nguyễn Văn-Thành, Lê Văn-Duyệt và Lê-Chất mà xin gia ân cho con cháu những công thần ấy. Trong bài sớ ấy có lắm câu lời lẽ ai-oán thảm-thiết, đại để như vầy :

« *Bọn Nguyễn Văn-Thành, Lê Văn-Duyệt và Lê-Chất đều có lòng theo mây đợi gió, xông-pha chỗ mũi tên hòn đạn, thân làm đại-tướng, tước đến quận công. Nguyễn Văn-Thành chỉ vì con dại, Lê Văn-Duyệt và Lê-Chất chỉ vì cạy công mà làm nên tội... Dù bọn ấy có tội, thì tội đã trị rồi nhưng còn công sao không thấy hỏi đến ? Thế chẳng hóa ra họ có công-lao bách chiến mà đến nỗi tàn hồn phải bơ vơ như ma trơi ngoài đồng, khác nào như quỷ Mạc-Ngao không ai thờ cúng...!* »

Đức Dực-Tôn là vua Tự-Đức xem bài sớ ấy, lấy làm cảm-động, bèn xuống chiếu truy-phong cho bọn Nguyễn Văn-Thành và cấp phẩm-hàm cho các con cháu.

Năm sau, niên-hiệu Tự-đức thứ hai (1849), đình-thần là lũ Tạ Quang Cự lại tâu xin minh-oan cho Lê-Chất. Vua cho con cháu Chất được phép xây đắp lại mộ-phần (2). Đến năm Tự-đức thứ 21 1868 Lê-Chất được truy-phục lại chức Tả-đốc Đô thống-chế.

HẾT

NGUYỄN-TRIỆU

---

1) Chỗ này là nơi gian-thần Lê Chất chịu tội.

2) Ở vườn Bách-thảo gần Hà-thành cũng có ngôi mộ Lê Chất. Theo sử chép thì bấy giờ Lê Chất về cư tang mẹ, rồi mất ở Bình định năm Bính-tuất 1826. Đến năm Bính-thân 1836 phải tội, mồ phần đã bị cuốc bằng-phẳng đi và cắm tiêu «*Phạc pháp xứ*» như đã nói ở trên. Vậy còn mồ ở gần Hà-thành đây là mồ nào ? Theo lời kỳ-lão làng Ngọc-hà đã thuật cùng bạn Trần-Huy-Bá thì khi mới lập trại Bách-thú, đã có ngôi mộ này, xây bằng gạch to và làm chắc chắn lắm, hình tròn và trên có cái chỏm đấu, không có mộ-chí và cũng chẳng biết là mồ mả nào. Khi đào lên tới quan-tài, thấy cỗ quan sơn son thếp vàng ; lúc mở ra thì mũ áo đai mãng còn nguyên và trên ngực có cái hốt đề 3 chữ *Hậu quân Chất*. Nhà nước bèn tư giấy vào hỏi trong Triều-đình Huế. Áo quan vẫn ở lộ-bộc 7, 8 ngày ở bên vườn trồng hoa của sở Canh-nông. Đến khi được lệnh cho bốc sang tiền, người ta mó vào xương thì thấy tan vụn bét ra cả ; song cũng cứ thế cho vào tiền và quách, rồi đem lại táng ở chỗ bây giờ. Xem bia ở đây tự năm Thành Thái thứ 10 1898, cũng chỉ có phác tiểu-sử Lê Hậu-quân mà thôi, chứ ngoài ra cũng không có tài-liệu chi khác và cũng không thấy tên ai đề bia.

Cứ xét về phương diện khoa-học thì không có lý gì mà xương cốt để bộc-lộ lại tan vụn ra được, có lẽ mộ thật Lê Chất ở Bình-định, mà đây chỉ là cái mộ giả làm để kỷ-niệm chăng, cũng như Võ Tánh mộ thật ở Bình-định, mà ở Phú-nhuận gần Saigon cũng còn mộ nữa, song là mộ giả (Cénotaphe) N.T.

DỊCH THƠ TÂY

LA BARQUE

La barque obéit, endormie,
Aux coups réguliers du rameur.
Mon âme tressaille, meurtrie,
Aux coups de la vie dans mon cœur.

La barque vogue, alentie,
Au rythme alangui du rameur.
Mon âme vogue, alanguie,
Au rythme alenti du cœur.

La nuit d'Octobre

A DE MUSSET

La Douleur (*Extrait*)

L'homme est un apprenti, la douleur est son maître,
Et nul ne se connaît tant qu'il n'a pas souffert.
C'est une dure loi, mais une loi suprême,
Vieille comme le monde et la fatalité,
Qu'il nous faut du malheur recevoir le baptême,
Et qu'à ce triste prix tout doit être acheté.

Les moissons, pour mûrir, ont besoin de rosée;
Pour vivre et pour sentir, l'homme a besoin des pleurs,
La joie a pour symbole une plante brisée,
Humide encor de pluie et couverte de fleurs.

Ne te disais-tu pas guéri de la folie (1)?
N'es-tu pas jeune, heureux, partout le bien-venu?
Et ces plaisirs légers qui font aimer la vie,
Si tu n'avais pleuré, quel cas en terais-tu?

Lorsqu'au déclin du jour, assis sur la bruyère,
Avec un vieil ami tu bois en liberté,
Dis-moi, d'aussi bon cœur lèverais-tu ton verre,
Si tu n'avais senti le prix de la gaîté?

Aimerais-tu les fleurs, les prés et la verdure,
Les sonnets de Pétrarque et le chant des oiseaux
Michel-Ange et les arts, Shakespeare et la nature,
Si tu n'y retrouvais quelques anciens sanglots?

Comprendrais-tu des cieux l'ineffable harmonie,
Le silence des nuits, le murmure des flots,
Si quelque part là-bas, la fièvre et l'insomnie;
Ne t'avaient fait songer à L'ÉTERNEL repos?

I

CON THUYỀN

Thuyền ngủ thiu-thiu
Theo ngọn sóng chèo.
Hồn ta rụng-rời
Dưới mũi tên đời.
Nhịp chèo mê-mỏi,
Thong-thả thuyền trôi.
Nhịp tim nề-oải
Rời-rã hồn bơi.

MINH-TUYỀN dịch

II

Đau-đớn

Sự đau-đớn là thầy người thế,
Ai chưa đau, chưa thể biết mình.
Ở đời phải nếm điêu-linh,
Ngọt bùi phải đổi bằng nghìn đắng cay;
Ấy là luật từ đời thái-cổ,
Độc-ác thay, mà bỏ không xong,

Lúa xanh gội móc, nẩy đòng;
Mắt xanh biết khóc, mới hòng giác, sinh;

Sự vui thú, tượng hình cành gẫy,
Hoa nở đầy, mưa hãy long-lanh.

Nay người đang độ tuổi xanh,
Bao người quý-trọng, bao tình yêu-đương;
Những diễm-thú trên đường nhân-thế,
Khiến cho đời có vẻ đáng yêu,
Nếu người, lòng chửa biết đau,
Hỏi người: người có thiết đâu chăng là?

Khi trên cỏ, bóng tà đã xế,
Cùng bạn xưa chia xẻ chén đồng,
Tạc thù hỏi có thật lòng,
Nếu người chưa mắc phải vòng biệt ly?

Người đâu biết yêu huê, tiếc nguyệt,
Vui chim non riu-rít trên cây,
Cảm chiều vàng ửng non tây,
Nếu lòng không thổn-thức và nhớ-nhung?

Người sao hiểu hòa trong thiên-nhạc,
Cảnh đêm thanh, tiếng nước rì-rào,
Nếu xưa chưa có khi nào,
Nỗi lòng quằn-quại đã thâu đêm trường?

CÁCH-CHI phiên dịch

(1) Câu này trong cả bài La nuit d'Octobre thì có nghĩa; song trong đoạn này thì nghĩa không rõ, nên không dịch.

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 2 Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	THANG	NÓC HỜ
A						
ÁI 靄 Bùi		Nam-định, Phong-doanh	N	32	12b	
ÁI 愛 Nguyễn-văn		Sơn-tây, An-lạc	N	39	13b	
ÁI 曼 Phạm-sĩ	tự Đôn-nhân	Hải-dương, Đường-hào	N	31	1b	Có « Nghĩa-khê thi-tập »
ÁI 瑷 Trần	tự Trọng-ngọc	Nghệ-an, Quỳnh-lưu	N	32	19a	
AM 諳 Dương-doãn	cựu danh Hài, tự Ngu-doãn	»	N	36	3b	
AN 安 Nguyễn		Vĩnh-long	S	14	15a	
AN 安 Phạm-văn		không biết	S	8	31b	Chết trận Ba-thắc (Sốc trăng)
AN 安 Võ-văn		Thừa-thiên, Đăng-xương	S	17	6a	
ÁNG 盎 Nguyễn-xuân		Nghệ-an, Đông-thành	S	29	6b	
ANH 英 Lương-văn		Người Tàu	S	28	2b	bộ tướng của Hà-hỉ Văn
ANH 暎 Nguyễn-phước			T	6	30b	Con của Hi-tôn hoàng-đế
ANH 嬰 Nguyễn-văn		Hà-tĩnh, Hương-sơn	N	40	10b	
ANH 瑛 Phạm-lam	tiểu tự Khuê	Quảng-nam, Diên-phước	T	5	30b	Con gái Phạm hữu-Kính
ÂN 恩 Nguyễn-văn		Bắc-ninh, Tiên-du	N	19	5b	
ÂN 恩 Phan-phước		Quảng-nam, Diên-phước	T	4	27a	
ÂN 恩 Trần-đình		Quảng-trị, Minh-linh	T	5	21b	
B						
BÁ-ĐA-LỘC	Evêque d'Adran	Người Pháp	S	28	7a	có thêm vài người Pháp khác
BÁC 鎛 Nguyễn-hữu		Thanh-hóa, Quí-huyện	T	3	45b	
BẠCH 白 Lê-thanh		Quảng-trị, Hải-lăng	N	41	12b	
BÁI 沛 Nguyễn	tự Phong-đình	Thừa-thiên, Phú-vang	N	27	7b	
BANG 邦 Nguyễn-bảo	lại có tên An	Thừa-thiên, Phong-điền	S	10	2b	
BẢNG 榜 Huỳnh-văn	tự Tuyền-tự	Quảng-nam, Diên-phước	N	38	3b	
BẢNG 榜 Nguyễn-kim		Thừa-thiên, Hương-trà	N	16	11b	
BÀNH 彭 Phạm	tự Quý-trạm	Thanh-hóa, Hậu-lộc	N	25	22b	con của Phạm Phổ
BẠT 拔 Lê-lượng	tự Trọng-vựng	Nghệ-an, Nghi-lộc	S	32	18b	
BẰNG 馮 Cao-hữu	tên thiệt là Dực	Thừa-thiên, Phong-điền	N	26	6a	
BẰNG 朋 Tôn-thất		Huế	N	4	11b	
BÂN 霦 Bùi		Nam-định, Phong-doanh	N	32	13a	
BÂN 彬 Phan		Quảng-trị, Hải-lăng	N	40	20b	
BÍCH 璧 Lương-huy	tự Huyền-chương	Thanh-hóa, Hoằng-hóa	N	42	3a	
BÍCH 碧 Phạm-xuân	tự Ôn-như	Thanh-hóa, An-định	N	40	16b	
BIỂU 表 Đinh-đạt		Thanh-hóa, Tống-sơn	S	13	9a	
BÌNH 平 Ngô-đức		Hà-tịnh, Thạch-hà	N	38	24b	
BÌNH 平 Nguyễn-thị		Hải-dương, Giáp-sơn	N	44	5a	
BÌNH 評 Phan-đình	tự Nhận-trai	Thừa-thiên, Quảng-điền	N	12	5b	
BÌNH 平 Võ-trọng	tự Sư-án	Quảng-bình, Phong-phú	N	31	17b	
BÍNH 柄 Lê-quang	tự Trọng-thao	Thừa-thiên, Hương-trà	N	33	23b	
BÍNH 柄 Mạc-công	hiệu Thận-trai	Hà-tiên	T	6	12a	
BÍNH 炳 Nguyễn	nhứt danh Văn, tự Báo-sơn	Bắc-ninh, Bảo-lộc	N	34	5a	
BÍNH 炳 Nguyễn-cao	tự Nguơn-bưu	Hà-tịnh, Thạch-hà	N	38	20a	
BÍNH 炳 Phạm-huy		Thanh-hóa, Vĩnh-lộc	N	36	3a	
BÍNH 炳 Tôn-thất		Huế	S	4	9a	

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 7 của CHU-THIÊN

PHAN phu-nhân mới nói :

— Con còn sống là mẹ mừng. Từ bấy đến nay mẹ cứ tin con chết thật rồi ! Bây giờ được gặp con, mẹ sung-sướng quá, quên hết nỗi đắng cay rồi, con ạ ! Mà con lại có chồng nữa thì còn vui nào bằng !

Rồi quay lại trông Trần-Long, phu-nhân nói :

— Hiền-tế ơi ! Mẹ mừng lắm, con ạ. Trong lúc lưu-lạc tan-nát, mà mẹ lại thấy các con phương-trưởng thế này, mẹ mừng lắm. Thật là Giời cả, Giời cả. Mà Phan-công được tha rồi, thì cũng sẽ tìm thấy các con nhỉ. Nhờ Giời cả, các con ạ !

Phu-nhân ngừng lại, mỗi người đều toan nói, nhưng phu-nhân ngẩng trông thấy Đặng-Mai, lại nói :

— Các con lạy tạ thượng-quan đây đi. Nhờ thượng-quan đây, ta mới còn sống được đến ngày nay ! Giữa đường gặp quân côn-đồ hành hung, nhờ ngài cứu thoát ; lại đương đêm bị cướp ở nhà trọ, nhờ ngài giải nguy. Cho đến nay, ngài lại gia ân phóng thích cho ta. Và nhờ có ngài, mẹ con ta mới được gặp gỡ nhau đây. Thật là ơn tái-tạo của thượng-quan sánh cùng giời bể vậy, các con ạ !

Trần-Long và Liên-Tường vội sụp xuống lạy Đặng-Mai và cùng nói :

— Đứng trước vị đại ân-nhân mà không biết, xin tướng-quân miễn chấp cho. Ơn sâu ấy tiểu-quan xin ghi lòng tạc dạ.

Đặng-Mai vội vàng đỡ hai người dậy và nói :

— Xin tướng-quân và phu-nhân đại xá cho. Tiểu-tướng nào có công gì mà dám nói đến ơn với huệ. Đấy chẳng qua là bổn phận của kẻ làm dân, của con nhà võ, gặp việc phải xử theo địa vị của mình đấy thôi. Xin tôn từ và tướng-quân cùng phu-nhân chớ để tội cho tiểu-tướng như vậy.

Nói rồi. Đặng-Mai ân-cần mời ba người vào trong nhà, chia ngôi-thứ ngồi uống nước và trò chuyện rất vui-vẻ. Phan phu-nhân và Liên-Tường cùng nhau kể-lể nỗi-niềm trong khi xa-cách và cùng ngậm ngùi cho cái cảnh sinh-ly ; rồi lại vui mừng tưởng đến những lúc hợp tan, tan hợp. Trần-Long và Đặng-Mai ngồi nghe, nhiều lúc cũng phải xót-xa cho cảnh ba-đào, hay hớn-hở vui tươi với nỗi mừng gặp-gỡ. Riêng Đặng-Mai thỉnh-thoảng quá cảm-xúc để vẻ buồn phảng-phất lộ trên nét mặt.

Chuyện-trò hồi lâu, ba người từ biệt Đặng-Mai cùng nhau lên ngựa trở về dinh, vui cảnh sum họp.

V

Cả nhà vui-vẻ tưng-bừng. trong quân yến tiệc rộn ràng, Lệ-Kim đối cảnh cũng phải vui lây. Đến sáng sớm hôm sau, Lệ-Kim lại cùng theo Phan phu-nhân, Liên-Tường, Trần-Long và Tiểu-Lan lên chùa Giác-ngộ lễ Phật và tạ ơn Chân-Giác thiền-sư.

Một đoàn người ngựa đến nơi, Phan phu-nhân và Tiểu-Lan dắt ba người kia vào chùa. Chân-Giác vội-vàng ra đón. Tiếng chào xôn-xao vang cả chùa. Phan phu-nhân liền chỉ vào Liên-Tường và Trần-Long mà nói với Chân-Giác rằng :

— Bạch đại-sư. Châu Liên-Tường đây, cứ tưởng châu chết cháy hồi nọ rồi, nào ngờ Giời Phật còn để sống có ngày nay. Đây là chồng châu là Trần tướng-quân, trấn thủ đồn dưới này.

Rồi quay lại hai con, Phu-nhân nói :

— Đại-sư đây là em họ ngoại của mẹ, là một bậc đại-đức ở chốn Thiền-môn. Không có người thì mẹ chả còn ở trên cõi đời này với các con nữa.

Trong khi ấy thì thiền-sư vui-vẻ nói :

— A di đà Phật ! Qui hóa quá nhỉ. Lậy Phật lậy Tổ. Phật Tổ độ-trì cho lão phu-nhân cùng tướng-quân và phu-nhân phúc-lộc hằng-hà sa-số.

Trần-Long và Liên-Tường liền quỳ xuống lạy :

— A di đà Phật, đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, Đại-sư ân đức như giời như bể, chúng con xin đem đầu lạy tạ !

Chân-Giác liền đỡ lấy hai người dậy và nói :

— A-di đà Phật. Đức Phật ban ân ban phúc cho lão phu-nhân, bần-tăng nào có công gì đâu.

Nói rồi, Chân-Giác mời mọi người vào chơi trong nhà Tổ. Phan phu-nhân sai Tiểu-Lan sửa-soạn lễ vật để lên chùa lễ Phật. Thiền-sư hỏi Tiểu-Lan về sự thể buổi tối hôm trước ở chùa. Tiểu-Lan thuật lại rõ-ràng. Nghe xong, Thiền-sư chép miệng thở dài nói :

— Ghê thay ! đạo Giời chí công, ác giả ác báo ! Tên tiểu Chân-Giới bị cướp vào đâm chết ngay đêm hôm ấy. Xác hiện còn ở sau chùa. Hôm qua bần-tăng về mới biết trong chùa hiện mất mát nhiều của-cải, bần-tăng phải trình quan Trấn-thủ. Còn đợi quan đến khám nghiệm rồi mới được mai táng. Chắc quan Trấn-thủ cũng sắp đến bây giờ.

Mọi người nghe chuyện đều sửng-sốt kinh-sợ, miệng đều lâm-râm cầu-nguyện đức Phật từ-bi cứu thoát cho chúng sinh nhầm lẫn. Riêng Tiểu-Lan vội chạy ra sau chùa xem xác đứa ác-tiểu chết thật đáng kiếp ! Phu-nhân, Trần-Long, Liên-Tường và Lệ-Kim cũng theo ra xem. Rồi cùng giở lên chùa lễ Phật.

Trên chùa đang chuông trống

nhịp-nhàng để mọi người theo thứ-tự vào hành lễ, thì ở ngoài có lính vào báo quan Trấn-thủ Đặng-Mai đến khám xét, Chân-Giác và Trần-Long vội ra ngoài nghinh-tiếp và mời Đặng-Mai vào nhà khách. Đặng tướng-quân bận việc vội đi khám ngay. Hai người liền dẫn quan Trấn-thủ ra sau chùa khám-nghiệm tử thi. Xong đâu đấy, g'ở về nhà khách, Đặng-Mai nghe qua lời cung-khai của Chân-Giác và vãi già, sai đô-lại biên chép lấy, rồi cáo-từ đi khám - xét nơi khác. Chân - Giác, Trần-Long, Phan phu-nhân và Liên-Tường cùng tiễn chân ra đến cổng. Lệ-Kim và Tiểu-Lan vì không quen biết và không có việc gì liên-can đến mình, nên cứ ngồi chơi ở bên nhà Tổ. Đến lúc quan Trấn-thủ ra về, Lệ Kim thơ-thẩn đứng ra hè nhà Tổ ngóng theo. Trông thấy dáng điệu và vóc người quen quen, nàng bâng-khuâng nhớ đến người chồng thân yêu biệt tích đã hơn một năm nay. Nàng tự nghĩ :

— Quái lạ ! Sao người này lại giống chồng ta như vậy ! Từ nét bút cho đến tiếng nói, dáng người đều giống cả. Người thì như thế, mà nay chồng ta thì lưu-lạc phương nào ? Phu-quân ơi ! vì thiếp mà nên nông-nỗi này ! chồng nam, vợ bắc, biết còn có ngày tái-hợp, hay lại đành gặp mặt ở dưới suối vàng !

Ngẫm-nghĩ một lúc, nàng lại tự nhủ :

— Hay là chồng ta đấy. Chứ thiên - hạ sao lại có người giống nhau như vậy !

Rồi nàng lại tự cãi :

— Không phải, người ta tên là Đặng-Mai kia mà ! Có phải Nguyễn Thành-Chương đâu. Rõ thấy người sang thì nhận quàng.

Giữa lúc ấy, ở ngoài cổng chùa, tiếng chào nhau ồn-ào. Trần-Long mời Đặng-Mai sang chơi bên dinh mình, Đặng hẹn hôm sau sẽ xin thân đến dinh bái yết và chúc thọ Phan phu-nhân và mừng Trần-Long và Liên-Tường. Cảnh đầm-ấm thân mật ấy càng thêm khêu-gợi nỗi lòng thương nhớ ở Lệ-Kim, nên nàng để vẻ buồn-rầu hiện ra nét mặt, lại càng ít nói, ít cười. Lúc ra về, Liên-Tường thấy Lệ-Kim kém vui, liền hỏi rằng :

— Chị Lệ-Kim, sao hôm nay đi hành hương, chị lại buồn vậy. Mọi khi, chị vẫn can trường, vui vẻ kia mà ! Hay chị có điều gì bất như ý ?

Lệ-Kim gượng cười nói :

— Không ! Thưa phu - nhân, lạ quá, em nhác trông bóng dáng Đặng tướng-quân giống hệt tiện - phu mà tự tích cũng tương-tự như nhau, nên cứ buồn rầu tưởng nhớ đến tiện-phu, không sao cầm lòng cho được. Em cũng biết giữa lúc vui-vẻ của phu-nhân và tôn-từ, em buồn thế này, thật là không phải lắm. Xin phu-nhân tha lỗi cho.

Liên-Tường tươi cười nói :

— Tưởng gì, chứ thế chị buồn là phải, làm gì có tội, mà chị cứ nói khách-tình làm vậy. Đã giống nhau như vậy, để mai ông ta lại chơi bên này, ta thử hỏi dò xem, khác biết.

Trần-Long biết chuyện cũng nói thêm vào :

— Vâng, thưa bà chị, mai ông ấy sang chơi đây, tôi sẽ hỏi cặn-kẽ và chị cũng để ý dò xét, sự thể thế nào tất sẽ rành rành ra đấy. Có lẽ giời sẽ đền công khó nhọc của bà chị mà xếp-đặt nên cuộc gặp-gỡ lạ lùng này.

Lệ-Kim nói :

— Nếu được vậy còn gì hay bằng. Em chỉ sợ bị tên càng thêm xấu-hổ. Vì Đặng tướng-quân họ Đặng tên Mai, mà tiện - phu tên là Nguyễn-Thành-Chương kia.

Trần-Long nói :

— Biết đâu Đặng tướng-quân lại chả là tôn ông nhà gặp cơn tai biến đổi tên ra.

Phan-phu-nhân cũng nói :

— Dù không phải ông nhà ta chăng nữa, thì một người phúc-đức như bà, Giời Phật không bao giờ phụ đâu, bà ạ. Bà chớ ngại, chớ buồn, nó hao tổn tinh-thần đi đấy.

Nghe những lời khuyên, Lệ - Kim cũng nguôi nguôi tấm lòng, chờ đợi đến ngày mai.

Còn nữa

CHU-THIÊN

Xét tư-tưởng trọng nông...

tiếp theo trang 3

1· Nguyên-văn chữ Hán : «... Bản niên canh tịch lễ, Đinh - thần dĩ trẫm tần niên tiêu cản, nhật hạ thiên khí viêm-nhiệt, khẩn thỉnh mệnh quan cung đại. Thị tuy thần tử trung ái chi thành nhi vị lượng trẫm sở dĩ tự miễn chi ý, Phù, tam thôi tam phản : nhất nhân bất dĩ vi lao, nhi vạn dân y thực chi nguyên xương-suất ư thị hồ tại. Trẫm khởi lao phiền thời chi an dật nhi bất tư vi nhi bách tính tự tuế kế hồ ? Tức dĩ thân suất thần-công phát chỉ đế-tịch : lễ hành nhất nhật, phong động tư phương. Trẫm hỉ dữ nhĩ sinh-dân nhật tế vu phú hậu, khởi khả dĩ hư văn thị chi ? Phương kim cấp vụ duy tại huấn nông, túc thực. Địa-phương quan sở dữ ngô dân triêu tịch, nhược bất cần dĩ phụ dư, lao dĩ tiên dân, kỳ hà dĩ huệ bách tính nhi tận nãi chức !...»

— Trích bài *Đế nông canh tịch điển lễ thành dụ*, sách riêng của tác-giả. Tiếc rằng trong bản sách viết tay này không chua rõ bài *dụ* ấy là của vị vua nào triều Nguyễn ! Theo chỗ chúng tôi ức-đoán thì bài dụ này có lẽ ở đời vua Tự đức (1848-1883) năm thứ 14. Vậy xin chất chính cùng các bậc cao-minh trong xã hội ta.

2) Về việc thiên-tử cày tịch-điền, kinh Lễ chép rằng : Thiên tử thân chỏ cày bừa, đốc-xuốt tam công, cửu khanh, chính mình đi cày ruộng đế-tịch. Thiên - tử cày ba luống, tam công cày năm luống, khanh và chư hầu cày chín luống.

3) Phan Thanh Giản, tự Tĩnh-Bá, lại có tên tự nữa là Đạm-Như, hiệu Lương-khê, lại có hiệu nữa là Mai-Xuyên, người huyện Vĩnh - bình, tỉnh Vĩnh-long, Nam - kỳ, tử quốc hồi tháng sáu năm 1867. Xin coi thêm *Đại-Nam chính biên liệt truyện*, tập nhị, quyển 26, tờ 21b - 31a của Quốc-sử quán triều Nguyễn ; *Phan Thanh Giản (1796 1867) et sa famille* của Pierre Daudin và Thọ-xuân Lê văn - Phúc (do Société des Études Indochinoises xuất bản, imprimerie de l'Union, Saigon in năm 1941.

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG-PHÁP

LÀM TIỀN

Phóng sự của TRỌNG-LANG

Với ngòi bút phóng sự rất sâu sắc, vừa trào lộng, vừa răn đời, TRỌNG-LANG đem ra ánh sáng đủ các mánh khóe làm tiền của nhiều hạng người trong xã-hội.

Có kèm một trang tự tích của tác giả Giá 1$20

KINH CẦU TỰ

của HUY-CẬN

Bản thường : hết

Bản giấy Vergé giá : 4 p 50

Bản giấy Dó Lụa giá : 3 p. 50

TIỂU NHIÊN MỊ CƠ

Phóng tác của VŨ NGỌC-PHAN

Theo «le roman de Tristan et Iseult »

Câu chuyện tình hay nhất thế giới.

Sách giấy : 258 trang, giá : 1p25.

ĐANG IN SẮP XONG:

QUÊ NGƯỜI

tiể[illegible] tay

[illegible]AI

[illegible] cái xã hội lố lỉnh, [illegible] tre đồng lúa, được [illegible]ận kẽ.

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận

của LÃNG-NHÂN

Phùng Tất-Đắc, tác giả :

« TRƯỚC ĐÈN »

Có tựa của : Nguyễn Giang

và

ĐẦY VƠI

tập thơ tuyệt tác của ĐÀI ĐỨC-TUẤN tức TCHYA « ĐẦY VƠI » là công trình của mười lăm năm trầm mặc. « ĐẦY VƠI » sẽ hiến các bạn những phút mê ly êm ái trong gầm tuyệt mỹ của văn-chương.

Ngày nay « ĐẦY VƠI » ra đời trong loại sách « NGHỆ THUẬT » của nhà xuất bản « MỚI »

Cách ấn loát « ĐẦY VƠI » thật là đơn giản, song rất công phu và mỹ thuật để sứng đáng với giá trị của « ĐẦY VƠI »

« ĐẦY VƠI » in ra chỉ có hạn : đúng 567 bản chia làm hai hạng :

1) Hạng đặc biệt : 15 bản, in trên giấy DÓ VÂN thượng hạng thủy ấn «TÂM NHƯ MINH NGUYỆT», giá mỗi bản 30p00 (đặt tiền trước: 25p00).

2) Hạng phổ thông : 500 bản, in trên giấy DÓ LỤA hạng tốt thủy ấn « TÂM NHƯ MINH NGUYỆT », giá mỗi bản 7p00 (đặt tiền trước : 5p00). Còn 52 bản, không bán, để tặng thân bằng và các nhà báo.

Có in ra 1000 bản thông cáo trên giấy LỤA DÓ để gửi tặng các bạn muốn biết trước « ĐẦY VƠI »

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN GỬI VỀ ô. LÊ VĂN - DỰ GIÁM ĐỐC :

Nhà xuất bản « Mới »

Bắc - kỳ — 57, Phúc - Kiến — Hà - Nội

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tu-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi